



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 40

Ngày 15 tháng 8 năm 2015

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- | | | |
|------------|--|----|
| 14-7-2015- | Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND quy định về hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. | 3 |
| 24-7-2015- | Quyết định số 36/2015/QĐ-UBND ban hành Quy định về quản lý, thu - nộp, sử dụng, quyết toán Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố. | 10 |

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6

- | | | |
|------------|---|----|
| 16-7-2015- | Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Văn hóa quận 6 ban hành kèm theo Quyết định số 01/2013/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân quận 6. | 23 |
|------------|---|----|

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- 09-7-2015- Quyết định số 3373/QĐ - UBND ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 200/QĐ - TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc “Phê duyệt Đề án kiện toàn, đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ thực hiện công tác gia đình các cấp đến năm 2020” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 27
- 10-7-2015- Quyết định số 3402/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ đến năm 2020. 37
- 13-7-2015- Chỉ thị số 13/CT-UBND về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2016. 63
- 22-7-2015- Quyết định số 3558/QĐ-UBND về việc sửa đổi, bổ sung một số điều quy định cơ chế hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020 theo Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố. 76

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 35/2015/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 7 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định về hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 104/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về khung giá đất;

Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm

2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn giá đất;

Thực hiện ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố tại Công văn số 342/HĐND-VP ngày 08 tháng 7 năm 2015 về hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn Thành phố năm 2015;

Xét đề nghị của Liên Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2280/TTr-STC-STNMT ngày 01 tháng 4 năm 2015; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 1234/STP-VB ngày 18 tháng 3 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Quyết định này Quy định về hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 để xác định giá đất cụ thể áp dụng đối với các trường hợp quy định tại các Điểm a, b, c và d Khoản 4 Điều 114, Khoản 2 Điều 172 và Khoản 3 Điều 189 của Luật Đất đai mà thửa đất hoặc khu đất của dự án có giá trị (tính theo giá đất trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành) dưới 30 tỷ đồng; đối với trường hợp thuê đất thu tiền hàng năm mà phải xác định lại đơn giá thuê đất để điều chỉnh cho chu kỳ tiếp theo; giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm.

Điều 2. Hệ số điều chỉnh giá đất

Hệ số điều chỉnh giá đất được áp dụng tùy theo từng nhóm đối tượng và tùy theo từng khu vực địa bàn quận, huyện và các yếu tố làm tăng, giảm giá đất như sau:

1. Nhóm 1: Trường hợp hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất ở, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất không phải đất ở sang đất ở đối với diện tích đất ở vượt hạn mức: Hệ số điều chỉnh giá đất là **một (1,0) lần** giá đất do Ủy ban nhân dân Thành phố quy định và công bố.

2. Nhóm 2: Trường hợp xác định đơn giá thuê đất hàng năm cho chu kỳ ổn định đầu tiên; xác định đơn giá thuê đất hàng năm khi điều chỉnh lại đơn giá thuê đất cho chu kỳ ổn định tiếp theo; xác định giá khởi điểm trong đấu giá quyền sử dụng đất để cho thuê theo hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm; xác định đơn giá thuê đất khi nhận chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất thuê theo quy định tại Khoản 3 Điều 189 Luật Đất đai: Hệ số điều chỉnh giá đất được áp dụng tùy theo mục đích sử dụng đất và khu vực như sau:

Mục đích sử dụng đất thuê	Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3	Khu vực 4	Khu vực 5
Kinh doanh dịch vụ, thương mại; tài chính; nhà hàng; khách sạn; nhà ở cho thuê; văn phòng làm việc và cho thuê.	2,0	1,8	1,6	1,4	1,2
- Sản xuất công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp; nhà kho, nhà xưởng; hoạt động khoáng sản; sản xuất vật liệu xây dựng, gốm sứ; đất xây dựng công trình công cộng có mục đích kinh doanh; đất xây dựng siêu thị, cửa hàng thương mại - dịch vụ bán hàng bình ổn giá; cửa hàng xăng dầu. - Xây dựng kết cấu hạ tầng để chuyển nhượng hoặc cho thuê tại các khu công nghiệp tập trung, khu chế xuất; bến cảng, bến tàu, bến phà, bến đò, bến xe, nhà ga, sân bay, đất xây dựng kết cấu hạ tầng cảng hàng không sân bay; sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối.	1,2	1,1	1,05	1,0	1,0

Trong đó, các khu vực được xác định như sau:

- **Khu vực 1, gồm:** Quận 1, Quận 3, Quận 4, Quận 5, Quận 10, Quận 11, quận Tân Bình và quận Phú Nhuận;

- **Khu vực 2, gồm:** Quận 6, Quận 7, quận Gò Vấp, quận Bình Thạnh, quận Tân Phú;

- **Khu vực 3, gồm:** Quận 2, Quận 8, Quận 9, Quận 12, quận Bình Tân, quận Thủ Đức;

- **Khu vực 4, gồm:** Huyện Bình Chánh, huyện Củ Chi, huyện Nhà Bè, huyện Hóc Môn;

- **Khu vực 5, Huyện Cần Giờ.**

3. Nhóm 3: Trường hợp tổ chức được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất,

cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất; xác định đơn giá thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê không thông qua hình thức đấu giá; xác định đơn giá thuê đất khi chuyển từ thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê theo quy định tại Khoản 2 Điều 172 Luật Đất đai; xác định đơn giá thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước: Hệ số điều chỉnh giá đất được áp dụng tùy theo khu vực như sau:

- **Khu vực 1, gồm:** Quận 1, Quận 3, Quận 4, Quận 5, Quận 10, Quận 11, quận Tân Bình và quận Phú Nhuận: Hệ số điều chỉnh giá đất là **hai (2,0) lần** giá đất do Ủy ban nhân dân Thành phố quy định và công bố;

- **Khu vực 2, gồm:** Quận 6, Quận 7, quận Gò Vấp, quận Bình Thạnh, quận Tân Phú: Hệ số điều chỉnh giá đất là **một phẩy tám (1,8) lần** giá đất do Ủy ban nhân dân Thành phố quy định và công bố;

- **Khu vực 3, gồm:** Quận 2, Quận 8, Quận 9, Quận 12, quận Bình Tân, quận Thủ Đức: Hệ số điều chỉnh giá đất là **một phẩy sáu (1,6) lần** giá đất do Ủy ban nhân dân Thành phố quy định và công bố;

- **Khu vực 4, gồm:** Huyện Bình Chánh, huyện Củ Chi, huyện Nhà Bè, huyện Hóc Môn: Hệ số điều chỉnh giá đất là **một phẩy bốn (1,4) lần** giá đất do Ủy ban nhân dân Thành phố quy định và công bố;

- **Khu vực 5,** Huyện Cần Giờ: Hệ số điều chỉnh giá đất là **một phẩy hai (1,2) lần** giá đất do Ủy ban nhân dân Thành phố quy định và công bố.

4. Ngoài việc áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất nêu tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều này, tùy theo vị trí, hệ số sử dụng đất để tính bổ sung thêm hệ số như sau:

a) Trường hợp khu đất, thửa đất thực hiện nghĩa vụ tài chính có vị trí tiếp giáp từ hai (02) mặt tiền đường trở lên (đường có tên trong Bảng giá đất), thì hệ số điều chỉnh giá đất được tính tăng thêm 10% so với hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.

b) Đối với trường hợp sử dụng đất theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này, thì tùy theo hệ số sử dụng đất của khu đất, thửa đất thực hiện nghĩa vụ tài chính để tính bổ sung hệ số tăng thêm như sau:

- Trường hợp khu đất, thửa đất có hệ số sử dụng đất dưới 6,0 lần hoặc không xác định rõ hệ số sử dụng đất, thì được áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại

Khoản 2 và Khoản 3 Điều này;

- Trường hợp khu đất, thửa đất có hệ số sử dụng đất từ 6,0 đến dưới 8,0 lần thì hệ số điều chỉnh giá đất được tính tăng thêm 5% so với hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này;

- Trường hợp khu đất, thửa đất có hệ số sử dụng đất từ 8,0 đến dưới 10,0 lần thì hệ số điều chỉnh giá đất được tính tăng thêm 10% so với hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này;

- Trường hợp khu đất, thửa đất có hệ số sử dụng đất từ 10,0 đến dưới 12,0 lần thì hệ số điều chỉnh giá đất được tính tăng thêm 15% so với hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này;

- Trường hợp khu đất, thửa đất có hệ số sử dụng đất từ 12,0 đến dưới 14,0 lần thì hệ số điều chỉnh giá đất được tính tăng thêm 20% so với hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này;

- Trường hợp khu đất, thửa đất có hệ số sử dụng đất từ 14,0 đến dưới 16,0 lần thì hệ số điều chỉnh giá đất được tính tăng thêm 25% so với hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này;

- Trường hợp khu đất, thửa đất có hệ số sử dụng đất từ 16,0 trở lên thì hệ số điều chỉnh giá đất được tính tăng thêm 30% so với hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.

c) Trường hợp khu đất, thửa đất thỏa mãn cả hai yếu tố quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản này, thì hệ số điều chỉnh giá đất được tính tăng thêm theo quy định tại Điểm a trước, sau đó tiếp tục tính tăng thêm theo quy định tại Điểm b Khoản này.

Điều 3. Trách nhiệm của Sở, ngành và Ủy ban nhân dân quận - huyện

1. Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm: Hàng năm phối hợp với các Sở, ngành Thành phố và Ủy ban nhân dân các quận, huyện đề trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành hệ số điều chỉnh giá đất cho phù hợp với tình hình thực tế.

2. Cục Thuế Thành phố, Chi cục Thuế quận - huyện có trách nhiệm: Căn cứ hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Quyết định này và các quy định của pháp luật có liên quan để xác định và thu nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân quận - huyện có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo Phòng Tài nguyên môi trường, Phòng Tài chính, Chi cục Thuế, Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn phối hợp với các cơ quan có liên quan ở quận - huyện thực hiện việc xác định và thu nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo Quyết định này và các quy định của pháp luật có liên quan;

b) Kiểm tra và xử lý theo thẩm quyền đối với các trường hợp sai phạm hoặc các trường hợp khiếu nại, tố cáo có liên quan đến việc xác định và thu nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

Điều 4. Xử lý chuyển tiếp

1. Các trường hợp được hợp áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất, nhưng đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác định và phê duyệt giá đất cụ thể trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì không áp dụng và không điều chỉnh theo quy định tại Quyết định này.

2. Các trường hợp được giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất trước ngày Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực thi hành mà thửa đất hoặc khu đất của dự án có giá trị (tính theo giá đất trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành tại thời điểm thực hiện nghĩa vụ tài chính) dưới 30 tỷ đồng; các trường hợp được áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất, nhưng đến ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác định và phê duyệt giá đất cụ thể, thì tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất theo quy định tại Điều 2 Quyết định này để thực hiện thực hiện nghĩa vụ tài chính.

Trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân không lựa chọn hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Điều 2 Quyết định này để thực hiện nghĩa vụ tài chính, thì áp dụng quy định pháp luật tại thời điểm được giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để xác định giá đất thực hiện nghĩa vụ tài chính.

Điều 5. Trong quá trình thực hiện Quyết định này nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các Sở, ngành Thành phố và Ủy ban nhân dân quận - huyện phản ánh kịp thời cho Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường để nghiên cứu, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau mười (10) ngày kể từ ngày ký.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 18/2013/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành hệ số điều chỉnh giá đất tính thu tiền sử dụng đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 7. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các Sở - ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 36/2015/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 7 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý, thu - nộp, sử dụng,
quyết toán Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 118/2008/QĐ-TTg ngày 27 tháng 8 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai, thảm họa;

Căn cứ Thông tư số 92/2009/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc thanh toán kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai, thảm họa;

Xét đề nghị của Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thành phố) tại Tờ trình số 113/TTr-PCTT ngày 09 tháng 7 năm 2015 về ban hành Quy định về quản lý, thu - nộp, sử dụng, quyết toán Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố, ý kiến Sở Tư pháp tại Công văn số 1612/STP-VB ngày 09 tháng 4 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý, thu - nộp, sử dụng, quyết toán Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký, bãi bỏ Quyết định số 01/2010/QĐ-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định quản lý, thu - nộp, sử dụng, quyết toán Quỹ Phòng, chống lụt, bão Thành phố và quận - huyện.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Trưởng Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thành phố, Giám đốc Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố, Thủ trưởng các Sở - ngành, đơn vị Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Thanh Liêm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Quản lý, thu - nộp, sử dụng, quyết toán

Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 36/2015/QĐ-UBND
ngày 24 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Điều 1. Quy định chung

1. Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố (sau đây gọi tắt là Quỹ) là một tổ chức tài chính độc lập, do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập và quản lý.

Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) giúp Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý hoạt động của Quỹ theo quy định.

Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố (Chi cục Thủy lợi và Phòng chống lụt bão trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) là Cơ quan quản lý Quỹ.

2. Đối tượng áp dụng: quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế đang sinh sống, hoạt động hoặc tham gia phòng, chống thiên tai tại Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Nguồn hình thành Quỹ theo quy định tại Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ ban hành Quy định về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai, bao gồm:

a) Số dư của Quỹ Phòng, chống lụt, bão Thành phố và Quỹ Phòng, chống lụt, bão quận - huyện chuyển sang.

b) Nguồn đóng góp bắt buộc của các tổ chức kinh tế hạch toán độc lập, công dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi đến hết tuổi lao động.

c) Các khoản tài trợ, đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài.

4. Tồn Quỹ cuối năm được chuyển sang năm sau.

Điều 2. Đối tượng và mức đóng góp

Mức đóng góp một năm đối với các tổ chức kinh tế hạch toán độc lập và công dân trên địa bàn Thành phố theo quy định như sau:

1. Các tổ chức kinh tế hạch toán độc lập:

Mức đóng góp bắt buộc một năm là hai phần vạn (2/10.000) trên tổng giá trị tài sản hiện có tại Việt Nam theo báo cáo tài chính hàng năm hoặc trên tổng số vốn sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp nhưng tối thiểu 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng), tối đa 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và được hạch toán vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Đối với công dân Việt Nam: nam từ đủ 18 tuổi đến hết 60 tuổi, nữ từ đủ 18 tuổi đến hết 55 tuổi, cụ thể mức đóng góp 01 lần/năm như sau:

a) Cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, tổ chức, lực lượng vũ trang hưởng lương, cán bộ quản lý trong các doanh nghiệp nhà nước đóng 01 ngày lương/người/năm theo mức lương cơ bản sau khi trừ các khoản thuế, bảo hiểm phải nộp;

b) Người lao động trong các doanh nghiệp đóng 01 ngày lương/người/năm theo mức lương tối thiểu vùng;

c) Người lao động khác, trừ các đối tượng đã được quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản này, đóng 15.000 đồng/người/năm.

3. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp tự nguyện cho Quỹ.

Điều 3. Đối tượng được miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ**1. Đối tượng được miễn đóng góp Quỹ**

a) Thương binh, bệnh binh và những người được hưởng chính sách như thương binh;

b) Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng của liệt sĩ;

c) Quân nhân làm nghĩa vụ trong lực lượng vũ trang, hạ sĩ quan, chiến sĩ phục vụ có thời hạn trong Công an nhân dân đang hưởng phụ cấp sinh hoạt phí;

d) Sinh viên, học sinh đang theo học tập trung dài hạn tại các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học, Dạy nghề;

đ) Người khuyết tật hoặc bị suy giảm khả năng lao động từ 21% trở lên; người mắc bệnh hiểm nghèo có chứng nhận của bệnh viện từ cấp huyện trở lên;

e) Người đang trong giai đoạn thất nghiệp hoặc không có việc làm từ 6 tháng trong 1 năm trở lên;

g) Thành viên hộ gia đình thuộc diện nghèo hoặc cận nghèo (theo mức chuẩn quy định của Thành phố theo từng thời kỳ); thành viên thuộc hộ gia đình ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa; thành viên thuộc hộ gia đình bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ, tai nạn;

h) Công dân tại 05 huyện ngoại thành thuộc nhóm đối tượng tại Điểm c Khoản 2 Điều 2 Quy định này (huyện Bình Chánh, huyện Cần Giờ, huyện Củ Chi, huyện Hóc Môn và huyện Nhà Bè) và công dân hộ nông nghiệp tại 08 quận (quận 2, quận 8, quận 9, quận 12, quận Bình Tân, quận Thủ Đức, quận Gò Vấp và quận Bình Thạnh);

i) Hợp tác xã không có nguồn thu;

k) Tổ chức kinh tế hạch toán độc lập trong năm bị thiệt hại do thiên tai gây ra về tài sản, nhà xưởng, thiết bị; phải tu sửa, mua sắm với giá trị lớn hơn hai phần vạn (2/10.000) tổng giá trị tài sản của tổ chức hoặc phải ngừng sản xuất kinh doanh từ năm ngày trở lên.

2. Đối tượng được giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ

Tổ chức kinh tế hạch toán độc lập được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp thì được xem xét giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định miễn, giảm, tạm hoãn và thời hạn được miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ

1. Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định miễn, giảm, tạm hoãn đối với các đối tượng được quy định tại Điều 3 Quy định này.

2. Việc xét miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ được tiến hành mỗi năm một lần vào thời điểm giao kế hoạch thu Quỹ. Trường hợp miễn, giảm, tạm hoãn do thiệt hại thiên tai, tổ chức, cá nhân phải báo cáo thiệt hại và đề xuất Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn, Ủy ban nhân dân quận - huyện để tổng hợp gửi Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

Trường hợp đối tượng đã đóng góp tiền nộp vào Quỹ, nếu được xét miễn, giảm, tạm hoãn thì số tiền đã nộp được trừ vào số tiền đóng góp Quỹ của năm sau.

Điều 5. Quản lý thu, kế hoạch thu - nộp Quỹ

1. Trong quý IV hàng năm, Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, Ủy ban

nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn xây dựng Kế hoạch thu Quỹ của cơ quan, đơn vị và địa phương; đồng thời, tổng hợp, xây dựng Kế hoạch thu Quỹ của Thành phố trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt làm cơ sở cho cơ quan quản lý Quỹ thông báo số thu, nộp Quỹ đối với từng cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan thực hiện.

2. Đối với các tổ chức kinh tế hạch toán độc lập:

a) Cơ quan quản lý Quỹ Thành phố chịu trách nhiệm tổ chức thu tiền đóng góp Quỹ của công ty cổ phần, doanh nghiệp nhà nước, công ty trách nhiệm hữu hạn do Cục Thuế Thành phố quản lý (bao gồm công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên) và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Thủ trưởng các tổ chức kinh tế hạch toán độc lập nêu trên có trách nhiệm nộp Quỹ theo định mức được quy định tại Khoản 1 Điều 2 Quy định này và chuyển vào tài khoản của Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố.

b) Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm tổ chức thu tiền đóng góp Quỹ của các tổ chức, hộ kinh doanh, hợp tác xã và các loại hình doanh nghiệp ngoài quy định tại Điểm a Khoản này đóng trên địa bàn quận - huyện theo Kế hoạch thu Quỹ của Thành phố hàng năm.

Thủ trưởng các tổ chức kinh tế hạch toán độc lập nêu trên có trách nhiệm nộp Quỹ theo định mức được quy định tại Khoản 1 Điều 2 Quy định này và chuyển vào tài khoản của quận - huyện do Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền.

3. Đối với công dân:

a) Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị Thành phố, lực lượng vũ trang, các đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn Thành phố, các tổ chức kinh tế hạch toán độc lập nêu tại Điểm a, Khoản 2 Điều này có trách nhiệm thu tiền đóng góp Quỹ của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý theo định mức được quy định tại Điểm a, Khoản 2 Điều 2 Quy định này và thu của người lao động trong các doanh nghiệp theo định mức được quy định tại Điểm b, Khoản 2 Điều 2 Quy định này chuyển vào tài khoản của Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố.

b) Thủ trưởng các quận - huyện, các tổ chức kinh tế hạch toán độc lập nêu tại Điểm b, Khoản 2 Điều này có trách nhiệm thu tiền đóng góp Quỹ của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý theo định mức được quy định tại Điểm a, Khoản 2 Điều 2 Quy định này và thu của người lao động trong các doanh nghiệp, hợp tác xã theo định mức được quy định tại Điểm b, Khoản 2 Điều 2 Quy

định này chuyển vào tài khoản của quận - huyện do Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền.

c) Ủy ban nhân dân các phường tổ chức thu Quỹ của các đối tượng lao động khác trên địa bàn quản lý (trừ các đối tượng đã thu tại Điểm a, Điểm b Khoản 3 Điều này) và nộp vào tài khoản của quận - huyện do Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền. Việc thu bằng tiền mặt phải có chứng từ theo mẫu của Bộ Tài chính.

4. Thời hạn nộp Quỹ: đối với cá nhân nộp một lần trước ngày 30 tháng 5 hàng năm; đối với tổ chức kinh tế hạch toán độc lập nộp tối thiểu 50% số phải nộp trước ngày 30 tháng 5, số còn lại nộp trước ngày 30 tháng 10 hàng năm.

5. Định kỳ cuối mỗi tháng, Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn có trách nhiệm tổng hợp số tiền đóng góp Quỹ và nộp vào tài khoản của quận - huyện do Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền.

Định kỳ cuối mỗi quý, Ủy ban nhân dân quận - huyện có trách nhiệm tổng hợp số tiền đóng góp Quỹ và nộp vào tài khoản của Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố.

6. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức và Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn căn cứ đối tượng, mức đóng góp thuộc phạm vi quản lý, các đối tượng được miễn, giảm, tạm hoãn để xây dựng kế hoạch thu của cơ quan, đơn vị và địa phương mình.

Điều 6. Nội dung chi của Quỹ

Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố được sử dụng cho các công việc sau đây:

1. Chi hỗ trợ các hoạt động phòng, chống thiên tai, bao gồm:

a) Cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai: cứu trợ khẩn cấp về lương thực, thực phẩm, nước uống, thuốc chữa bệnh và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai; hỗ trợ tu sửa nhà ở, cơ sở y tế, trường học, xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai, tu sửa nhà sơ tán phòng tránh thiên tai hoặc tu sửa khẩn cấp công trình phòng chống thiên tai có giá trị nhỏ hơn 1 tỷ đồng/1 công trình.

b) Hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai: sơ tán dân khỏi nơi nguy hiểm; chăm sóc y tế; lương thực, thực phẩm, nước uống và các nhu cầu cấp thiết khác cho người dân nơi sơ tán đến; hỗ trợ công tác quan trắc, thông tin, thông báo, dự báo, cảnh báo, báo động thiên tai trên địa bàn Thành phố.

c) Hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa: phổ biến tuyên truyền kiến thức pháp luật; thực hiện kế hoạch nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng; lập kế hoạch, phương án và diễn tập phòng, chống thiên tai cấp phường - xã, thị trấn, quận - huyện, Thành phố.

2. Chi hỗ trợ thù lao cho người trực tiếp đi thu và các chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu Quỹ tại phường - xã, thị trấn nhưng không vượt quá 5% số thu thực tế hàng năm trên địa bàn phường - xã, thị trấn.

3. Chi hỗ trợ cho công tác phối hợp với các đơn vị, địa phương khác trong hoạt động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

4. Thực hiện các nội dung chi khác phục vụ công tác phòng, ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố và các quy định của Trung ương về Quỹ Phòng, chống thiên tai.

Điều 7. Thẩm quyền chi Quỹ

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định mức chi và nội dung chi cho các đối tượng theo đề nghị của Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

2. Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố có trách nhiệm tổng hợp thiệt hại và nhu cầu hỗ trợ của Ủy ban nhân dân quận - huyện (trên cơ sở nhu cầu hỗ trợ của phường - xã, thị trấn báo cáo cho quận - huyện) và các cơ quan, tổ chức liên quan, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

3. Căn cứ vào số thu Quỹ thực tế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc xuất Quỹ hỗ trợ cho các quận - huyện, cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan và các địa phương khác.

Điều 8. Trình tự, thủ tục và hồ sơ cấp phát, thanh quyết toán kinh phí từ nguồn Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố

Sau khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân Thành phố; Cơ quan quản lý Quỹ Thành phố căn cứ vào nội dung và kinh phí được duyệt lập thủ tục cấp kinh phí cho các địa phương, đơn vị như sau:

1. Cấp phát, thanh quyết toán kinh phí đối với tu sửa khẩn cấp công trình phòng, chống thiên tai; kinh phí được hỗ trợ đột xuất để khắc phục sự cố công trình, hỗ trợ thiệt hại do thiên tai gây ra:

a) Lãnh đạo Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán và quyết toán các chương trình, đề án, công trình phòng, chống thiên tai sử dụng từ nguồn Quỹ của Thành phố cấp cho quận - huyện. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố chịu trách nhiệm phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán và quyết toán các chương trình, đề án, công trình phòng, chống thiên tai sử dụng từ nguồn Quỹ của Thành phố cấp cho Sở, ban, ngành mình hoặc cấp cho đơn vị trực thuộc Sở, ban, ngành mình.

b) Đối với các công trình phòng, chống thiên tai sử dụng từ nhiều nguồn vốn khác nhau, phải phân rõ các nguồn vốn được đầu tư cho công trình.

c) Cơ quan quản lý Quỹ Thành phố căn cứ vào quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật, quyết định phê duyệt dự toán sẽ chi tạm ứng 70% trên tổng số kinh phí được duyệt cho các đơn vị, địa phương; phần kinh phí 30% còn lại Cơ quan quản lý Quỹ sẽ cấp sau khi nhận đầy đủ hồ sơ quyết toán.

d) Công tác thanh quyết toán kinh phí đầu tư xây dựng, sửa chữa công trình phòng, chống thiên tai thực hiện theo quy định tại Thông tư số 86/2011/TT-BTC ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn ngân sách Nhà nước; Thông tư số 19/2011/TT-BTC ngày 14 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước.

2. Cấp phát, thanh quyết toán kinh phí mua sắm phương tiện, trang thiết bị phòng, chống, ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; tập huấn, diễn tập và các khoản chi khác:

a) Cơ quan quản lý Quỹ Thành phố:

- Căn cứ vào hồ sơ phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu để cấp kinh phí mua sắm phương tiện, trang thiết bị phòng, chống, ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn để lập thủ tục cấp kinh phí cho các địa phương, đơn vị.

- Căn cứ vào Kế hoạch hoặc Phương án, kèm theo dự toán kinh phí chi tiết đã được lãnh đạo Sở, ngành, đơn vị Thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện phê duyệt để lập thủ tục cấp kinh phí tập huấn, diễn tập và các khoản chi khác cho các địa phương, đơn vị.

b) Lãnh đạo Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm phê duyệt quyết toán kinh phí sử dụng mua sắm phương tiện, trang thiết bị phòng, chống, ứng

phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, tập huấn, diễn tập và các khoản chi khác từ nguồn Quỹ của Thành phố cấp cho quận - huyện.

Hồ sơ thanh quyết toán phải đầy đủ chứng từ, hóa đơn theo quy định, công văn đề nghị quyết toán, quyết định phê duyệt mua sắm phương tiện, trang thiết bị hoặc báo cáo kết quả sử dụng kinh phí đã mua sắm trang thiết bị của Ủy ban nhân dân quận - huyện.

c) Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố chịu trách nhiệm phê duyệt quyết toán kinh phí mua sắm phương tiện, trang thiết bị phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, tập huấn, diễn tập và các khoản chi khác sử dụng từ nguồn Quỹ của Thành phố cấp cho Sở, ban, ngành mình hoặc cấp cho đơn vị trực thuộc Sở, ban, ngành.

Hồ sơ thanh quyết toán phải đầy đủ chứng từ, hóa đơn theo quy định, công văn đề nghị quyết toán, quyết định phê duyệt mua sắm phương tiện, trang thiết bị hoặc báo cáo kết quả sử dụng kinh phí đã mua sắm trang thiết bị của Sở, ban, ngành.

d) Thủ tục mua sắm phương tiện, trang thiết bị phòng, chống, ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn thực hiện theo quy định hiện hành của Luật Đấu thầu số 43/2013 ngày 26 tháng 11 năm 2013; Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu và các quy định pháp luật hiện hành.

đ) Thủ tục quyết toán kinh phí tập huấn, diễn tập và các khoản chi khác thực hiện theo quy định hiện hành; hồ sơ quyết toán gồm có: công văn đề nghị quyết toán, báo cáo kết quả thực hiện, danh sách chi cho lực lượng tham gia có ký nhận, dự toán kinh phí chi tiết được phê duyệt, các hóa đơn, chứng từ có liên quan.

3. Thanh quyết toán kinh phí phòng, chống, ứng phó, khắc phục sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trong thiên tai:

Hồ sơ thanh quyết toán phải đầy đủ chứng từ, hóa đơn theo quy định, gồm: công văn đề nghị quyết toán; quyết định huy động, điều động, trưng dụng lực lượng, phương tiện, vật tư, trang thiết bị của cấp có thẩm quyền; bảng kê xác định số lượng lực lượng tham gia, thời gian thực tế tham gia có xác nhận của Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn đơn vị, địa phương; hợp đồng sử dụng phương tiện, vật tư, trang thiết bị; bảng kê xác nhận tình trạng hư hỏng hoặc mất phương tiện; các thủ tục, chi phí khác theo Thông tư số 92/2009/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn việc thanh toán kinh phí

từ nguồn ngân sách nhà nước cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai, thảm họa và các quy định hiện hành.

4. Thời hạn thanh quyết toán kinh phí:

Các hạng mục, danh mục, công việc đã hoàn thành phải thực hiện thanh quyết toán ngay trong năm được cấp kinh phí.

5. Đối với các hạng mục, danh mục, công việc chưa kịp hoàn thành trong năm do nguyên nhân khách quan, Ủy ban nhân dân Thành phố cho phép các đơn vị, địa phương chuyển sang năm sau để tiếp tục thực hiện.

Điều 9. Báo cáo, phê duyệt quyết toán

1. Cơ quan quản lý Quỹ (thông qua Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố) có trách nhiệm báo cáo quyết toán thu, chi Quỹ năm trước cho Ủy ban nhân dân Thành phố vào quý I năm sau.

2. Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các Sở, ngành liên quan tổ chức thẩm tra, phê duyệt, báo cáo quyết toán Quỹ theo quy định hiện hành, báo cáo kết quả cho Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Việc thu - nộp Quỹ phải thực hiện, hoàn thành trong năm tài chính hiện hành, đối với công tác quyết toán thực hiện trong quý I năm sau.

4. Cơ quan quản lý Quỹ (thông qua Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố) thực hiện báo cáo định kỳ hàng quý, 06 tháng, 09 tháng và tổng kết năm về công tác quản lý, thu - nộp, sử dụng, quyết toán Quỹ theo quy định.

5. Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo kết quả thu, chi Quỹ với Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài chính theo quy định.

Điều 10. Thanh tra, kiểm toán, giám sát hoạt động Quỹ

1. Quỹ chịu sự kiểm tra, thanh tra, kiểm toán của các cơ quan nhà nước theo quy định.

2. Sở Tài chính Thành phố, Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố và các cơ quan, ban ngành liên quan chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ; có biện pháp đôn đốc các cơ quan,

tổ chức, cá nhân thực hiện nghiêm túc trách nhiệm, nghĩa vụ nộp Quỹ theo quy định của pháp luật.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, các tổ chức Hội có liên quan đến Quỹ được quyền yêu cầu cung cấp thông tin về Quỹ và thực hiện quyền giám sát thông qua các ý kiến, đề xuất, phản biện.

Điều 11. Công khai nguồn thu, chi Quỹ

1. Việc thu Quỹ phải thực hiện Quy chế công khai tài chính ban hành kèm theo Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 19/2005/TT-BTC ngày 11 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính và thông báo công khai cho nhân dân và các tổ chức kinh tế biết.

2. Cơ quan, đơn vị, tổ chức phải công khai danh sách thu, nộp Quỹ của cá nhân cán bộ, công chức, viên chức, người lao động. Hình thức công khai: thông báo bằng văn bản, niêm yết tại đơn vị; công bố tại hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của đơn vị. Thời điểm công khai chậm nhất 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành công việc thu nộp Quỹ.

3. Ủy ban nhân dân các phường - xã, thị trấn phải công khai kết quả thu nộp, danh sách người lao động đã đóng Quỹ trên địa bàn phường - xã, thị trấn; tổng kinh phí được cấp cho công tác phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai và nội dung chi từ Quỹ. Hình thức công khai: báo cáo giải trình công khai tại cuộc họp tổng kết hàng năm; niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân, Trung tâm Văn hóa, trụ sở ban áp - khu phố và thông báo trên phương tiện truyền thanh phường - xã, thị trấn.

4. Ủy ban nhân dân các quận - huyện phải công khai kết quả thu Quỹ, danh sách, đối tượng và mức thu đối với từng cơ quan, tổ chức, đơn vị, phường - xã, thị trấn, các tổ chức, cá nhân tự nguyện đã đóng góp Quỹ trên địa bàn quận - huyện, tổng kinh phí được cấp cho công tác phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai và các nội dung chi từ Quỹ. Hình thức công khai: niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân quận - huyện, thông báo bằng văn bản đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị đóng góp Quỹ, công khai trên trang web của Ủy ban nhân dân quận - huyện.

5. Cơ quan quản lý Quỹ (Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố) công khai kết quả thu Quỹ, danh sách đối tượng và mức thu đối với từng cơ quan, tổ chức, đơn vị, từng quận - huyện, các tổ chức và cá nhân đóng góp tự nguyện; báo cáo quyết toán thu chi; nội dung chi theo từng lĩnh vực, từng địa bàn quận - huyện. Hình thức công khai: niêm yết tại trụ sở Quỹ; thông báo

bằng văn bản tới cơ quan, tổ chức, đơn vị đóng góp Quỹ; công khai trên trang web của Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

Điều 12. Trách nhiệm quản lý, thu - nộp, sử dụng Quỹ

1. Việc quản lý, sử dụng Quỹ phải đảm bảo đúng mục đích, đúng chế độ theo quy định của pháp luật và quy định tại Quyết định này. Nghiêm cấm việc sử dụng Quỹ sai mục đích dưới bất kỳ hình thức nào.

2. Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố, Sở Tài chính Thành phố, Cơ quan quản lý Quỹ Thành phố có trách nhiệm tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Thành phố điều hành, chỉ đạo tổ chức thực hiện việc thu, chi Quỹ hiệu quả; định kỳ tổ chức việc thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động Quỹ; công khai Quỹ theo quy định của Chính phủ và các quy định của pháp luật liên quan.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức thu, nộp Quỹ theo quy định tại Điều 5 Quyết định này.

4. Các tổ chức kinh tế hạch toán độc lập và cá nhân quy định tại Điều 2 Quyết định này có trách nhiệm và nghĩa vụ đóng góp cho Quỹ theo quy định.

Điều 13. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc xây dựng, quản lý và đóng góp Quỹ được khen thưởng theo chế độ chung của Nhà nước.

2. Tổ chức, cá nhân không chấp hành đầy đủ nghĩa vụ đóng góp Quỹ thì phải truy nộp theo quy định của pháp luật.

3. Người được giao nhiệm vụ thu - nộp, quản lý và sử dụng Quỹ mà vi phạm các quy định trên thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại về vật chất thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Thanh Liêm

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2015/QĐ-UBND

Quận 6, ngày 16 tháng 7 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế
tổ chức và hoạt động của Trung tâm Văn hóa quận 6
ban hành kèm theo Quyết định số 01/2013/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân quận 6**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 2904/QĐ-UB-VX ngày 20 tháng 5 năm 1999 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc sáp nhập Trung tâm Văn hóa quận 6 và Công viên Phú Lâm, thành Trung tâm Văn hóa quận 6 trực thuộc Ủy ban nhân dân quận 6;

Căn cứ Quyết định số 01/2013/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân quận 6 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Văn hóa quận 6;

Căn cứ Quyết định số 3122/QĐ-UBND-TCKH ngày 22 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân quận 6 về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình sửa chữa cải tạo Hội trường Trung tâm Văn hóa Quận 6;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Văn hóa quận 6 (tại Công văn số 204/TTVH ngày 11 tháng 5 năm 2015) và của Trưởng phòng Nội vụ quận 6 (tại Tờ trình số 580/TTr-NV ngày 06 tháng 7 năm 2015),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Văn hóa quận 6 ban hành kèm theo Quyết định số 01/2013/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân quận 6, như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 2:

“2. Vị trí:

Trung tâm Văn hóa quận 6 (sau đây gọi tắt là Trung tâm) là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân quận 6, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được cấp kinh phí hoạt động từ ngân sách nhà nước (sau khi cân đối với nguồn thu sự nghiệp), được mở tài khoản ở kho bạc nhà nước và ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Trụ sở chính đặt tại địa chỉ số 170 Kinh Dương Vương, Phường 13, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở 2: Tên gọi là Trung tâm Văn hóa Hậu Giang đặt tại địa chỉ số 259 Hậu Giang, Phường 5, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.”

2. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 4:

“2. Các Tổ chuyên môn, nghiệp vụ

Trung tâm có các Tổ chuyên môn, nghiệp vụ; mỗi Tổ có Tổ trưởng và 01 Tổ phó do Giám đốc Trung tâm quyết định. Các Tổ chuyên môn, nghiệp vụ có chức năng tham mưu, tổ chức các hoạt động nghiệp vụ tại chỗ và hướng dẫn hoạt động văn hóa thông tin của các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, tổ chức kinh tế - xã hội trên địa bàn quận.

a) Tổ Hành chính - Tổng hợp:

Bao gồm viên chức, nhân viên được phân công phụ trách các lĩnh vực: hành chính văn phòng, thư ký, văn thư, lưu trữ, tổng hợp, tài vụ, tổ chức, thi đua, dịch vụ, kỹ thuật, lái xe, bảo vệ, vệ sinh. Có nhiệm vụ thực hiện công tác hành chính – tổng hợp, văn thư, lưu trữ; quản lý, cung ứng vật tư, trang thiết bị cho hoạt động của Trung tâm; xây dựng kế hoạch tài chính – kế toán; thực hiện công tác thống kê, tổng hợp, báo cáo các hoạt động của Trung tâm; khai thác, tổ chức các dịch vụ văn hóa theo chức năng, nhiệm vụ trên cơ sở phát huy hiệu quả năng lực viên chức, nhân viên và cơ sở vật chất của Trung tâm.

b) Tổ Thông tin cổ động:

Bao gồm viên chức, nhân viên được phân công phụ trách các lĩnh vực: thông tin lưu động, thông tin tuyên truyền cổ động trực quan, triển lãm. Tổ chức các hoạt động tại chỗ và lưu động về tuyên truyền cổ động triển lãm phục vụ trên địa bàn dân cư; tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các nhiệm vụ chính trị, chính sách an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh; phục vụ các nhiệm vụ chính trị đột xuất, cấp bách, các phong trào, cuộc vận động lớn tại địa phương.

c) Tổ Tuần tin:

Bao gồm viên chức, nhân viên được phân công phụ trách các lĩnh vực: lấy tin, viết bài, chụp ảnh. Có nhiệm vụ thực hiện các hoạt động lấy tin, viết bài, chụp ảnh, thực hiện các phóng sự,... biên soạn và phát hành Bản tin theo quy định của pháp luật dưới sự quản lý của Quận ủy và Ủy ban nhân dân quận.

d) Tổ Thư viện:

Thực hiện nhiệm vụ tổ chức, quản lý, thu thập, bổ sung, khai thác, xử lý và giới thiệu vốn tài liệu; tham gia xây dựng thư viện, tủ sách cơ sở.

đ) Tổ Văn hóa - Văn nghệ:

Thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu nhu cầu và tổ chức các hoạt động liên hoan, hội thảo, hội thi, hội diễn văn nghệ quần chúng, lễ hội truyền thống, xây dựng các loại hình sinh hoạt câu lạc bộ, đội nhóm; bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về văn hóa - văn nghệ □ học cơ sở; tổ chức các lớp năng khiếu về nghệ thuật.

e) Tổ Khai thác biểu diễn:

Thực hiện nhiệm vụ tổ chức biểu diễn nghệ thuật ca, múa, nhạc, kịch, ảo thuật (có nhu cầu và phục vụ). Liên kết, phối hợp với các đơn vị trong nước tổ chức các chương trình biểu diễn ca múa nhạc, chương trình nghệ thuật lớn phục vụ khán giả theo chức năng, nhiệm vụ và theo quy định của pháp luật. Tổ chức đào tạo, phối hợp, liên kết đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho công chức, viên chức và các đơn vị nghệ thuật, cá nhân có nhu cầu theo chức năng, nhiệm vụ và theo quy định của pháp luật.

g) Căn cứ quy mô hoạt động, Giám đốc Trung tâm xây dựng phương án tổ chức các Tổ chuyên môn, nghiệp vụ cho phù hợp để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Ngoài bộ máy tổ chức trên, Trung tâm còn có các Câu lạc bộ, đội nhóm trực thuộc được sự hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ của các Tổ.”

3. Sửa đổi Điểm b, Khoản 1, Điều 5:

“b) Trụ sở Trung tâm Văn hóa Hậu Giang;”

4. Sửa đổi Khoản 1, Điều 9:

“1. Đối với Sở Văn hóa và Thể thao thành phố:

Trung tâm chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Văn hóa và Thể thao thành phố; thực hiện việc báo cáo công tác chuyên môn định kỳ và theo yêu cầu của Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao thành phố.”

5. Sửa đổi Điểm b, Khoản 3, Điều 9:

“b) Đối với các cơ quan chuyên môn khác, ban ngành, đoàn thể thuộc quận:

Trung tâm có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn về chuyên môn; cùng các đơn vị phối hợp thực hiện các chủ trương, chính sách về hoạt động phong trào sự nghiệp văn hóa của Đảng và Nhà nước theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận, Sở Văn hóa và Thể thao thành phố;

Chủ động xây dựng mối liên kết, liên tịch với các ngành nhằm mục tiêu phát triển sự nghiệp văn hóa vững mạnh, rộng khắp. Định kỳ sáu tháng, năm tổ chức họp sơ, tổng kết với các ngành có ký kết liên tịch để rút kinh nghiệm trong quá trình phối hợp thực hiện kế hoạch. Trung tâm đóng vai trò chủ trì thực hiện.”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 7 (bảy) ngày, kể từ ngày ký. Các nội dung không đề cập tại Quyết định này vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 01/2013/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân quận 6 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Văn hóa quận 6.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 6, Trưởng phòng Nội vụ quận 6, Giám đốc Trung tâm Văn hóa quận 6, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Võ Văn Hoan

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3373/QĐ - UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 7 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 200/QĐ - TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc “Phê duyệt Đề án kiện toàn, đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ thực hiện công tác gia đình các cấp đến năm 2020” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 200/QĐ - TTg ngày 25 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát kiện toàn, đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ thực hiện công tác gia đình các cấp đến năm 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Văn hoá và Thể thao tại tờ trình số 2881/TTr - SVHTT - VHGD ngày 01 tháng 07 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Quyết định số 200/QĐ - TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc “Phê duyệt Đề án kiện toàn, đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ thực hiện công tác gia đình các cấp đến năm 2020” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hứa Ngọc Thuận

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Quyết định số 200/QĐ - TTg của Thủ tướng Chính phủ
về việc “Phê duyệt Đề án kiện toàn, đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ
cán bộ thực hiện công tác gia đình các cấp đến năm 2020”**

trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

*(Ban hành theo Quyết định số 3373/QĐ - UBND ngày 09 tháng 7 năm 2015
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Từ năm 2008 cho đến nay, Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổ chức bộ máy thực hiện công tác gia đình trên địa bàn Thành phố; trên cơ sở đó Ủy ban nhân dân các cấp đã bố trí cán bộ thực hiện công tác gia đình cho đến năm 2010 đã đủ. Hàng năm đội ngũ này có biến động nhất định, ở phường - xã, thị trấn thay đổi nhiều nhất. Đến cuối năm 2014, đội ngũ cán bộ thực hiện công tác gia đình ở cả 3 cấp có tổng số 374 người (nữ: 165 người, tỷ lệ 44,11%) trong biên chế Sở Văn hóa và Thể thao (01 lãnh đạo Sở, 01 cán bộ cấp phòng, 02 chuyên viên), Phòng Văn hoá và Thông tin quận - huyện (24 cán bộ cấp phòng, 24 chuyên viên), trong số các chức danh cán bộ của Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn (139 công chức văn hóa xã hội đảm nhiệm công tác gia đình (43,16%), 107 cán bộ không chuyên trách văn hóa thông tin - thể dục - thể thao - gia đình (33,22%), 76 cán bộ kiêm nhiệm (23,6%) công tác gia đình với những công tác khác như bình đẳng giới, trẻ em, dân số, thống kê). Về trình độ chuyên môn nghiệp vụ: có 35 người chưa qua đào tạo chuyên môn nghiệp vụ (9,35%), dưới đại học 123 người (32,88%), đại học có 215 người (57,48%), trên đại học 01 người (0,26%); về chuyên ngành đào tạo: có 57 người thuộc chuyên ngành văn hoá, thể thao, du lịch (17,7%), 205 người thuộc chuyên ngành khoa học xã hội (63,66%), 60 người thuộc chuyên ngành khác (18,63%); thời gian đảm nhiệm công tác gia đình 01 năm có 160 người, 02 năm có 51 người, trên 4 năm có 111 người.

Năm 2014, 100% quận - huyện và phường - xã, thị trấn đã thành lập Ban Chỉ đạo công tác gia đình (BCĐCTGD). Thành viên Ban chỉ đạo và Tổ giúp việc có trên 5.300 người có nhiệm vụ tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp chỉ đạo công tác gia đình, phối hợp triển khai thực hiện công tác gia đình ở các cấp và trên toàn địa

bàn Thành phố. Trước năm 2014, 322 phường - xã, thị trấn đều có Ban Chỉ đạo phòng, chống bạo lực gia đình. Hàng năm, thành viên Ban chỉ đạo phòng, chống bạo lực gia đình phường - xã, thị trấn được tập huấn về công tác phòng, chống bạo lực gia đình. Do vậy, Ban chỉ đạo công tác gia đình phường - xã, thị trấn khi thành lập đã duy trì hầu hết thành viên Ban chỉ đạo phòng, chống bạo lực gia đình trước đây.

Lực lượng cộng tác viên, tình nguyện viên công tác gia đình ở phường - xã, thị trấn hình thành trong nhiều năm qua. Đến cuối năm 2014, ở 322 phường - xã, thị trấn có: 1313 Nhóm phòng, chống bạo lực gia đình (gần 4.000 tình nguyện viên viên), 1.438 Địa chỉ tin cậy ở cộng đồng (trên 1.500 tình nguyện viên), gần 2.000 cộng tác viên ở khu phố, áp thực hiện công tác thu thập thông tin số liệu về gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình. Năm vừa qua, một vài quận - huyện đã tiến hành tập huấn kiến thức quản lý nhà nước công tác gia đình cho thành viên Ban chỉ đạo công tác gia đình.

Qua các năm, đội ngũ cán bộ thực hiện công tác gia đình cấp thành phố, quận - huyện được tham gia các lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực thực hiện công tác gia đình của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch và của Thành phố tổ chức; cán bộ thực hiện công tác gia đình cấp phường - xã, lực lượng cộng tác viên, tình nguyện viên được tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác gia đình do Thành phố và quận, huyện tổ chức.

Trong bối cảnh triển khai thực hiện Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030 trên địa bàn Thành phố, đội ngũ cán bộ thực hiện công tác gia đình, theo dõi công tác gia đình là rất quan trọng, cần bố trí đủ, có chất lượng đảm đương tốt vị trí việc làm; mạng lưới cộng tác viên, tình nguyện viên tham gia vào công tác gia đình ở cơ sở hình thành đều khắp, được nâng cao năng lực, có chế độ bồi dưỡng để tham gia công tác gia đình ở cơ sở.

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Nghị định số 37/2014/NĐCP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Thực hiện Quyết định số 200/QĐ - TTg ngày 25 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc “Phê duyệt Đề án kiện toàn, đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ thực hiện công tác gia đình các cấp đến năm 2020”; Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 200/QĐ - TTg ngày 25 tháng

01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc “Phê duyệt Đề án kiện toàn, đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ thực hiện công tác gia đình các cấp đến năm 2020” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây viết tắt là Kế hoạch) cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU.

1. Mục tiêu chung

Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện công tác gia đình các cấp và mạng lưới cộng tác viên gia đình ở cơ sở trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh nhằm thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển gia đình đến năm 2020, tầm nhìn 2030 trên địa bàn Thành phố.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Kiện toàn tổ chức, bộ máy quản lý nhà nước về gia đình các cấp và xây dựng mạng lưới cộng tác viên gia đình ở cơ sở:

- Đến cuối năm 2015:

+ Duy trì đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện công tác gia đình ở 3 cấp đảm bảo thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về gia đình, nhiệm vụ cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo công tác gia đình;

+ Duy trì Ban Chỉ đạo công tác gia đình các cấp. Phát triển mạng lưới cán bộ, công chức theo dõi công tác gia đình ở các ngành, đoàn thể liên quan khác ở các cấp;

+ Nghiên cứu hình thành chế độ chính sách cho cộng tác viên gia đình trình Hội đồng nhân dân Thành phố;

- Đến năm 2020:

+ Nghiên cứu trình Hội đồng nhân dân Thành phố bố trí chức danh cán bộ không chuyên trách công tác gia đình ở phường - xã, thị trấn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và chế độ chính sách cho cộng tác viên gia đình vào năm 2016.

+ Tiếp tục duy trì, củng cố đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện công tác gia đình, theo dõi công tác gia đình; hoàn thiện mạng lưới cộng tác viên gia đình ở cơ sở; thực hiện chế độ, chính sách cho đội ngũ cộng tác viên gia đình.

+ Triển khai thực hiện mô hình cơ quan tham mưu công tác gia đình ở các cấp bảo đảm đáp ứng được yêu cầu quản lý nhà nước về gia đình trong tình hình mới sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

b) Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện công tác gia đình các cấp, các ngành và mạng lưới cộng tác viên cơ sở:

- Đến năm 2016: 50% cán bộ, công chức thực hiện công tác gia đình các cấp, các ngành và mạng lưới cộng tác viên cơ sở được tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực thực hiện công tác gia đình;

- Đến năm 2020: 100% đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện công tác gia đình các cấp, các ngành và mạng lưới cộng tác viên cơ sở được nâng cao năng lực thực hiện công tác gia đình thông qua việc tham gia các chương trình đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng định kỳ.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Duy trì, mở rộng đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện công tác gia đình các cấp các ngành, cụ thể:

a) Kiện toàn kịp thời thành viên Ban chỉ đạo công tác gia đình các cấp nếu có thay đổi và thực hiện rà soát định kỳ hàng năm theo quy định chung. Đảm bảo đội ngũ cán bộ thực hiện công tác gia đình ở các cấp, không để vị trí việc làm nào không có cán bộ gián đoạn quá 30 ngày.

b) Hình thành đội ngũ cán bộ theo dõi công tác gia đình (không là thành viên Ban Chỉ đạo công tác gia đình) ở các ngành, đoàn thể khác có liên quan đến công tác gia đình.

c) Duy trì lực lượng cộng tác viên, tình nguyện viên đã có. Nghiên cứu đề xuất phát triển hoàn thiện mạng lưới cộng tác viên gia đình trên toàn địa bàn Thành phố và chế độ kinh phí bồi dưỡng, chính sách khác (nếu có) cho cộng tác viên gia đình.

2. Đào tạo, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện công tác gia đình các cấp và mạng lưới cộng tác viên cơ sở:

a) Rà soát thực trạng, đánh giá nhu cầu và định hướng đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện công tác gia đình các cấp và mạng lưới cộng tác viên cơ sở;

b) Tham gia với Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch trong các công tác xây dựng chương trình đào tạo, chương trình bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện công tác gia đình các cấp và mạng lưới cộng tác viên cơ sở;

c) Thực hiện chuẩn hoá kiến thức quản lý nhà nước về gia đình cho đội ngũ cán bộ thực hiện công tác gia đình ở 3 cấp (thành phố, quận - huyện, phường - xã) tại các trường thuộc ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các trường đại học thuộc khối khoa học xã hội;

d) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện công tác gia đình các cấp và mạng lưới cộng tác viên cơ sở theo kế hoạch chung toàn quốc và theo yêu cầu địa phương;

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN Ở THÀNH PHỐ

1. Dự án 1: Kiện toàn tổ chức, bộ máy thực hiện công tác gia đình các cấp và xây dựng mạng lưới cộng tác viên cơ sở.

Cơ quan chủ trì: Sở Văn hóa và Thể thao.

Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân quận, huyện.

Thời gian thực hiện: 2015, 2016.

Các hoạt động cụ thể:

- Thực hiện rà soát, đánh giá chất lượng, nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực của cán bộ, công chức thực hiện công tác gia đình các cấp;

- Hướng dẫn việc bảo đảm nhân lực thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về gia đình ở địa phương và xây dựng mạng lưới cộng tác viên cơ sở.

2. Dự án 2: Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện công tác gia đình các cấp và mạng lưới cộng tác viên cơ sở.

Cơ quan chủ trì: Sở Văn hóa và Thể thao.

Cơ quan phối hợp: Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố liên quan, các cơ sở đào tạo thuộc khối khoa học xã hội trên địa bàn Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện.

Thời gian thực hiện: Từ năm 2015 đến năm 2020.

Các hoạt động cụ thể:

- Xây dựng đội ngũ giảng viên nguồn về công tác gia đình cấp thành phố, báo cáo viên công tác gia đình cấp quận - huyện;

- Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức công tác gia đình cấp thành phố, cấp quận - huyện theo chương trình quy định của Trung ương;

- Tổ chức thực hiện chương trình bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức, cộng tác viên công tác gia đình cấp phường - xã và mạng lưới

cộng tác viên cơ sở;

- Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về công tác gia đình cho đội ngũ cán bộ truyền thông, tư vấn trong lĩnh vực gia đình.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN.

1. Căn cứ nội dung công việc cụ thể theo Kế hoạch các cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện Đề án kiện toàn, đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ thực hiện công tác gia đình các cấp đến năm 2020 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm lập dự toán kinh phí thực hiện Đề án và tổng hợp cùng với dự toán chi ngân sách của cơ quan gửi cơ quan tài chính đồng cấp tổng hợp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Khuyến khích vận động nguồn lực tham gia thực hiện Đề án trên địa bàn Thành phố từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Văn hóa và Thể thao:

- Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành Thành phố có liên quan xây dựng các dự án thành phần, kế hoạch thực hiện và hướng dẫn triển khai thực hiện Đề án;

- Tổng hợp kế hoạch hằng năm và dự toán kinh phí ngân sách trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt thực hiện Đề án trên địa bàn Thành phố;

- Với tư cách Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo công tác gia đình chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan thực hiện kiểm tra, thanh tra, giám sát việc triển khai thực hiện Đề án trên địa bàn Thành phố; tham mưu công tác sơ kết, tổng kết Đề án;

- Tổng hợp thông tin kết quả thực hiện Đề án trên địa bàn Thành phố định kỳ trình Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

2. Sở Nội vụ:

Chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao và các sở, ngành liên quan xây dựng các văn bản hướng dẫn kiện toàn tổ chức, bộ máy thực hiện công tác gia đình các cấp và mạng lưới cộng tác viên gia đình cơ sở.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo:

Phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao xây dựng đội ngũ giảng viên nguồn của

Thành phố và triển khai, thực hiện các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ công tác gia đình.

4. Sở Tài chính:

Hàng năm, căn cứ nội dung công việc cụ thể theo Kế hoạch và dự toán chi ngân sách của các cơ quan được giao nhiệm vụ thực hiện Đề án gửi đến, cơ quan tài chính tổng hợp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Các sở, ban, ngành Thành phố có liên quan:

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao hướng dẫn, chỉ đạo theo ngành và theo lĩnh vực chuyên môn các nội dung của công tác gia đình; xây dựng kế hoạch và lồng ghép các nguồn lực, các chương trình, dự án hiện hành có liên quan đến công tác gia đình nhằm thực hiện có hiệu quả các mục tiêu của Đề án.

6. Ủy ban nhân dân các quận, huyện:

- Xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai, thực hiện Đề án theo phân cấp quản lý;
- Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, tăng cường nhân lực thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về gia đình tại địa phương, ưu tiên xây dựng và phát triển mạng lưới cộng tác viên về gia đình ở cơ sở;
- Bảo đảm ngân sách địa phương thực hiện có hiệu quả các mục tiêu của Đề án;
- Tổ chức kiểm tra, thanh tra, giám sát việc tổ chức thực hiện Đề án tại địa bàn quản lý;
- Định kỳ hằng năm gửi báo cáo kết quả thực hiện Đề án cho Sở Văn hóa và Thể thao để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

VI. CÔNG TÁC KẾ HOẠCH, THÔNG TIN BÁO CÁO

1. Công tác kế hoạch:

a) Các sở, ban, ngành Thành phố và Ủy ban nhân dân quận, huyện đề ra kế hoạch của địa phương, đơn vị triển khai thực hiện Đề án kiện toàn, đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ thực hiện công tác gia đình các cấp đến năm 2020 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể:

- Năm 2015, bổ sung hoạt động, lồng ghép nội dung nhằm thực hiện các mục tiêu Đề án trong các công tác có liên quan, trong kế hoạch hoạt động công tác gia

đình năm 2015.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ Đề án giai đoạn 2016 đến 2020 và dự toán kinh phí đáp ứng cho việc thực hiện kế hoạch 5 năm theo phân kỳ hàng năm.

b) Hàng năm, các địa phương, đơn vị lập kế hoạch thực hiện Đề án và dự toán kinh phí trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện.

c) Thời gian gửi kế hoạch:

- Kế hoạch năm 2015 gửi trước ngày 30 tháng 7 năm 2015;

- Kế hoạch giai đoạn 2016 - 2020 gửi trước ngày 30 tháng 8 năm 2015.

- Kế hoạch các năm sau đó gửi trước ngày 30 tháng 01 hàng năm.

2. Thông tin báo cáo:

- Báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch định kỳ 6 tháng (trước ngày 15 tháng 5) và 1 năm (trước ngày 15 tháng 10) cho Sở Văn hoá và Thể thao (Cơ quan Thường trực Ban chỉ đạo công tác gia đình).

Giao Sở Văn hoá và Thể thao có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc các sở, ngành, Thành phố và Ủy ban nhân dân quận, huyện thực hiện tốt công tác kế hoạch, thông tin, báo cáo. Định kỳ thực hiện tổng hợp thông tin, lập báo cáo trình Ủy ban nhân dân Thành phố và Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch theo quy định.

- Thực hiện các hoạt động sơ kết, tổng kết các giai đoạn của Đề án theo hướng dẫn của Trung ương./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hứa Ngọc Thuận

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3402/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch ứng phó sự cố, thiên tai và
tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ đến năm 2020**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Đê điều ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 66/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về Quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 06/2014/QĐ-TTg ngày 20 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế phối hợp tìm kiếm, cứu nạn trên biển và trong vùng nước cảng biển;

Căn cứ Quyết định số 1041/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án Quy hoạch tổng thể lĩnh vực Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 118/2008/QĐ-TTg ngày 27 tháng 8 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế quản lý tài chính đối với hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai, thảm họa;

Căn cứ Quyết định số 76/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiện toàn Ủy ban Quốc gia tìm kiếm cứu nạn và Hệ thống tổ chức tìm kiếm cứu nạn của các bộ, ngành Trung ương và địa phương;

Căn cứ Thông tư số 92/2009/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2009 của Bộ Tài

chính hướng dẫn việc thanh toán kinh phí từ nguồn ngân sách Nhà nước cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai, thảm họa;

Căn cứ Quyết định số 59/2011/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về công tác phòng, chống, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 30/2015/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Cơ quan Thường trực Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Thành phố (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) tại Tờ trình số 92/TTr-PCTT ngày 18 tháng 6 năm 2015; ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 2706/STC-HCSN ngày 17 tháng 4 năm 2015 và ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 2730/SKHĐT-KT ngày 03 tháng 4 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ đến năm 2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 5565/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Kế hoạch tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn Thành phố đến năm 2015, định hướng đến năm 2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Trưởng Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Thanh Liêm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ đến năm 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3402/QĐ-UBND

ngày 10 tháng 7 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. MỤC TIÊU

1. Củng cố, kiện toàn hệ thống tổ chức, hoạt động của các cơ quan ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, bảo đảm sự chỉ đạo, phối hợp và hiệp đồng chặt chẽ giữa các lực lượng để đáp ứng kịp thời yêu cầu ứng phó sự cố, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ khi có tình huống thiên tai, tai nạn, thảm họa xảy ra, thống nhất đầu mối chỉ đạo hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ.

2. Dự kiến một số tình huống thiên tai, tai nạn, thảm họa cơ bản, trên cơ sở đó xác định cơ quan chỉ đạo, chỉ huy, lực lượng tham gia ứng phó và xác định chủng loại phương tiện, trang thiết bị phục vụ tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ.

3. Từng bước đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho các đơn vị chuyên trách để thực hiện nhiệm vụ ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ; định hướng, cân đối kinh phí đầu tư, xây dựng, mua sắm phương tiện, trang thiết bị và phát triển nguồn nhân lực để phục vụ ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ.

II. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành để đảm bảo cơ chế chính sách, thống nhất trong chỉ đạo, chỉ huy, điều hành, ứng phó hiệu quả; khuyến khích, ưu đãi các thành phần tự nguyện tham gia hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

2. Kiện toàn hệ thống tổ chức Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các cấp đảm bảo phù hợp thực tiễn và quy định về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ chế phối hợp giữa Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố, quận - huyện, phường - xã - thị trấn.

3. Tiếp tục triển khai Chương trình hành động thực hiện chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 (Quyết định số 5745/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2008); Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 của Thành phố Hồ Chí Minh (Quyết định số 3523/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2010); chủ động lồng ghép các nhiệm vụ phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu, nước biển dâng vào các chương trình xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của các sở, ngành, đơn vị Thành phố và quận - huyện. Phát huy vai trò trách nhiệm của sở, ngành, đơn vị, quận - huyện trong việc tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch; đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng về các loại hình sự cố, thiên tai và biện pháp phòng tránh; các sở, ngành, đơn vị Thành phố và quận - huyện xác định công tác ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ là nhiệm vụ chính trị trọng tâm thường xuyên của cả hệ thống chính trị các cấp.

4. Đẩy mạnh đầu tư phát triển và áp dụng thành tựu khoa học và công nghệ mới trong lĩnh vực ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ. Bảo đảm chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước theo thứ tự ưu tiên: mua sắm trang thiết bị phổ thông phục vụ phương châm “bốn tại chỗ”; mua sắm trang thiết bị thiết yếu, chuyên dụng và cơ sở hạ tầng cho các đơn vị chuyên trách thường trực ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trong từng tình huống cụ thể.

5. Tăng cường hợp tác quốc tế học tập kinh nghiệm quản lý, chỉ huy, điều hành, huấn luyện, đào tạo, ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ; khai thác các nguồn vốn viện trợ, tài trợ, đóng góp của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ; từng bước thực hiện xã hội hóa một số khâu thuộc lĩnh vực ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ nhằm huy động các nguồn lực hợp pháp để giảm vốn đầu tư tập trung của ngân sách Thành phố.

III. ĐỊNH HƯỚNG ĐẦU TƯ MUA SẮM, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG PHƯƠNG TIỆN, TRANG THIẾT BỊ TÌM KIẾM CỨU NẠN, CỨU HỘ ĐẾN NĂM 2020

1. Định hướng đầu tư:

a) Xây dựng cơ bản: Bộ Tư lệnh Thành phố - cơ quan thường trực về hoạt động tìm kiếm cứu nạn khi xảy ra thiên tai, tai nạn, thảm họa: xây dựng bến ca nô, trung tâm đào tạo, huấn luyện và kho quản lý phương tiện, trang thiết bị để tập kết, bố trí và huy động chi viện, sử dụng khi cần thiết.

b) Mua sắm phương tiện, trang thiết bị:

Để thực hiện tốt phương châm “bón tại chỗ”, đảm bảo các loại phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai, ứng phó với tai nạn, thảm họa của các lực lượng Thành phố, tiêu chí đầu tư phương tiện, trang thiết bị như sau:

- Năm 2015: tập trung trang bị bổ sung, thay thế các thiết bị hư hỏng, xuống cấp. Ưu tiên trang bị các loại thiết yếu, cấp bách đáp ứng nhu cầu tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ tại các vùng trọng điểm thiên tai và các vùng ven biển để sẵn sàng sử dụng khi có tình huống xảy ra, gồm: máy phát điện, máy cắt - đục bê tông, cưa máy, bè phao các loại, nhà bạt cứu sinh các loại, áo phao, phao cứu sinh các loại và các loại trang thiết bị cần thiết.

- Từ năm 2016 đến năm 2020: Từng bước trang bị các loại thiết bị chuyên dụng đặc biệt, như: tàu tìm kiếm cứu nạn đa năng, chuyên dụng có tốc độ cao, tầm hoạt động xa bờ, chịu được gió bão đến cấp 8; tàu đa năng, chuyên dụng ứng phó sự cố tràn dầu, tầm hoạt động xa bờ; thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu; các loại xuồng, ca nô có tốc độ cao và các trang thiết bị chuyên dụng, thông dụng khác phục vụ tìm kiếm cứu nạn.

c) Trường hợp khẩn cấp:

Trung dụng phương tiện, trang thiết bị của cá nhân, hộ gia đình, tổ chức trên địa bàn để phục vụ ứng phó thiên tai theo quy định của Luật phòng chống thiên tai.

2. Quản lý, sử dụng phương tiện, trang thiết bị tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ:

Việc quản lý, sử dụng phương tiện, trang thiết bị tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ theo Quy chế quản lý trang thiết bị tìm kiếm cứu nạn được ban hành kèm theo Quyết định số 124/2007/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Nguồn kinh phí thực hiện:

Hàng năm các sở, ngành, đơn vị, quận - huyện liên quan xây dựng kế hoạch, nhu cầu phương tiện, trang thiết bị cần thiết, lập dự toán kinh phí cho lĩnh vực tìm kiếm cứu nạn gửi Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố tổng hợp và phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt. Nguồn kinh phí thực hiện: từ ngân sách Thành phố, nguồn Quỹ Phòng chống thiên tai Thành phố và nguồn ngân sách quận - huyện.

Ngoài ra, trong trường hợp có nguồn vốn tài trợ, viện trợ của nước ngoài thì tiến hành tổ chức mua sắm theo điều khoản ký kết.

IV. HỆ THỐNG TỔ CHỨC ỨNG PHÓ SỰ CỐ, THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN, CỨU HỘ

Hệ thống tổ chức ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ từ cấp Thành phố đến cấp phường - xã - thị trấn như sau:

1. Cấp Thành phố:

a) Cơ quan chỉ đạo: Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Cơ quan chỉ huy, điều hành: Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố, Bộ Tư lệnh Thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Thành phố, Công an Thành phố, Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy Thành phố.

2. Cấp quận - huyện:

a) Cơ quan chỉ đạo: Ủy ban nhân dân quận - huyện.

b) Cơ quan chỉ huy, điều hành: Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn quận - huyện, Ban Chỉ huy Quân sự quận - huyện, Công an quận - huyện, Phòng Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy quận - huyện.

3. Cấp phường - xã, thị trấn:

a) Cơ quan chỉ đạo: Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn.

b) Cơ quan chỉ huy, điều hành: Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn phường - xã, thị trấn, Ban Chỉ huy Quân sự phường - xã, thị trấn, Công an phường - xã, thị trấn.

V. MỘT SỐ TÌNH HUỐNG CƠ BẢN: XÁC ĐỊNH CƠ QUAN CHỈ HUY, ĐIỀU HÀNH, LỰC LƯỢNG, TRANG THIẾT BỊ ỨNG PHÓ

1. Tai nạn tàu, thuyền trên biển:

a) Cơ quan chỉ đạo: Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Cơ quan chỉ huy:

Thành phố: Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Thành phố chủ trì, phối hợp với Bộ Tư lệnh Thành phố, Cảng vụ Hàng hải Thành phố, Công an Thành phố, Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy và các đơn vị liên quan.

Huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ.

Xã, thị trấn: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn ven biển.

c) Lực lượng ứng cứu: Các cơ quan chuyên trách ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Thành phố, Bộ Tư lệnh Thành phố, Công an Thành phố, Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy Thành phố, Sở Y tế, Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ và lực lượng khác của Thành phố.

d) Phương tiện, trang thiết bị: máy bay trực thăng; tàu, thuyền, xuồng, ca nô chuyên dụng; phao và áo phao cứu sinh các loại.

2. Sự cố tràn dầu:

a) Cơ quan chỉ đạo: Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Cơ quan chỉ huy:

Thành phố: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Thành phố, Bộ Tư lệnh Thành phố, Công an Thành phố, Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy Thành phố, Sở Giao thông vận tải, Cảng vụ Hàng hải Thành phố và các đơn vị liên quan.

Quận - huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện nơi xảy ra sự cố tràn dầu.

Phường - xã, thị trấn: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn nơi xảy ra sự cố tràn dầu.

c) Lực lượng ứng cứu: Lực lượng chuyên trách của Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Thành phố, Bộ Tư lệnh Thành phố, Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy Thành phố, doanh nghiệp ứng cứu sự cố tràn dầu chuyên nghiệp và các lực lượng khác của Thành phố.

d) Phương tiện, trang thiết bị: Trang thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu chuyên dụng và các trang thiết bị khác.

3. Sự cố cháy nổ, cháy lớn nhà cao tầng, khu đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, nhà máy, xí nghiệp, đường ống dẫn khí, kho xăng dầu:

a) Cơ quan chỉ đạo: Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Cơ quan chỉ huy:

Thành phố: Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy Thành phố chủ trì, phối hợp với Bộ Tư lệnh Thành phố, Công an Thành phố, Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố, Khu Công nghệ cao Thành phố và các đơn vị liên quan.

Quận - huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện.

Phường - xã, thị trấn: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn.

c) Lực lượng ứng cứu: Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy, Công an, Quân đội, Y tế, Chử thập đỏ, lực lượng dân phòng và lực lượng phòng cháy chữa cháy chuyên nghiệp, dân quân tự vệ và các lực lượng khác của Thành phố.

d) Phương tiện, trang thiết bị: xe chữa cháy, xe cứu nạn, cứu hộ, xe thang, xe hút khói, ống thoát hiểm, máy bơm nước, xe cấp cứu và các trang thiết bị chuyên dụng khác.

4. Sự cố sập đổ nhà cao tầng, công trình xây dựng, công trình ngầm:

a) Cơ quan chỉ đạo: Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Cơ quan chỉ huy:

Thành phố: Bộ Tư lệnh Thành phố chủ trì, phối hợp với Công an Thành phố, Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy Thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Thành phố, Sở Xây dựng, Sở Giao thông Vận tải và các đơn vị liên quan.

Quận - huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện.

Phường - xã, thị trấn: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn.

c) Lực lượng ứng cứu: Lực lượng chuyên trách, Quân đội, Công an, Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy, Y tế, Chử thập đỏ và các lực lượng khác của Thành phố.

d) Phương tiện, trang thiết bị: máy bay trực thăng, tàu thuyền, cầu phao, máy xúc, máy gạt, xe cầu, xe thang, xe nâng, kích, xe đầu kéo, máy đục, cắt bê tông, nhà bạt cứu sinh các loại và các phương tiện, trang thiết bị khác.

5. Sự cố rò rỉ, phát tán hóa chất độc hại:

a) Cơ quan chỉ đạo: Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Cơ quan chỉ huy:

Thành phố: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Tư lệnh Thành phố, Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy Thành phố, Công an Thành phố, Sở Công Thương, Sở Y tế và các đơn vị liên quan.

Quận - huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện.

Phường - xã, thị trấn: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn.

c) Lực lượng ứng cứu: Quân đội, Công an, Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy, Y tế, Chữa đập đổ và các lực lượng khác của Thành phố.

d) Phương tiện, trang thiết bị: xe, máy đặc chủng, quần áo, mũ phòng hóa, các trang thiết bị chuyên dụng ứng phó sự cố hóa chất độc hại.

6. Sự cố bức xạ:

a) Cơ quan chỉ đạo: Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Cơ quan chỉ huy:

Thành phố: Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Thông tin và Truyền thông, Bộ Tư lệnh Thành phố, Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy Thành phố, Công an Thành phố và các đơn vị liên quan.

Quận - huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện.

Phường - xã, thị trấn: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn.

c) Lực lượng ứng cứu: Trung tâm Hạt nhân Thành phố, Bệnh viện Ung bướu, Bệnh viện Chợ rẫy, Hội Chữa đập đổ và các lực lượng khác của Thành phố.

d) Phương tiện, trang thiết bị: xe chuyên dụng, thiết bị bảo hộ cá nhân, thiết bị đánh dấu, hạn chế nhiệm bản phóng xạ và bao bọc chứa các vật thể lạ, trang thiết bị tẩy xạ người và các thiết bị kiểm soát bức xạ chuyên dụng.

7. Sự cố động đất, sóng thần:

a) Cơ quan chỉ đạo: Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

b) Cơ quan chỉ huy:

Thành phố: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Tư lệnh Thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Thành phố, Công an Thành phố, Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy Thành phố, Sở Giao thông vận tải, Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị liên quan.

Quận - huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện.

Phường - xã, thị trấn: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn.

c) Lực lượng ứng cứu: Các lực lượng chuyên trách, Sở Y tế, Quân đội, Công an, dân quân tự vệ và các lực lượng khác của Thành phố.

d) Phương tiện, trang thiết bị: Các trang thiết bị cứu sập đổ công trình, tìm kiếm cứu nạn đường bộ, đường sắt, trang thiết bị y tế và các trang thiết bị tìm kiếm cứu nạn khác.

8. Tai nạn giao thông đường bộ, đường sắt, đường hầm đặc biệt nghiêm trọng:

a) Cơ quan chỉ đạo: Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Cơ quan chỉ huy:

Thành phố: Sở Giao thông Vận tải chủ trì, phối hợp với Bộ Tư lệnh Thành phố, Công an Thành phố, Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy Thành phố, Sở Y tế, Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố và các đơn vị liên quan.

Quận - huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện nơi xảy ra tai nạn.

Phường - xã, thị trấn: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn nơi xảy ra tai nạn.

c) Lực lượng ứng cứu: Lực lượng chuyên trách, Quân đội, Công an, Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy, dân quân tự vệ, Y tế, Chử thập đỏ, Thanh niên xung phong và các lực lượng khác của Thành phố.

d) Phương tiện, trang thiết bị: Trang thiết bị tìm kiếm cứu nạn đường bộ, đường sắt, đường hầm và các trang thiết bị chuyên dụng khác.

9. Tai nạn đường sông:

a) Cơ quan chỉ đạo: Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Cơ quan chỉ huy:

Thành phố:

- Tai nạn đường sông thuộc vùng nước cảng biển: Cảng vụ Hàng hải Thành phố chủ trì, phối hợp Bộ Tư lệnh Thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Thành phố, Công an Thành phố, Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy Thành phố, Sở Giao thông Vận tải, Sở Y tế, Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố và các đơn vị liên quan.

- Tai nạn đường sông không thuộc vùng nước cảng biển: Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy Thành phố chủ trì, phối hợp với Bộ Tư lệnh Thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Thành phố, Công an Thành phố, Sở Giao thông vận tải, Sở Y tế, Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố và các đơn vị liên quan.

Quận - huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện nơi xảy ra tai nạn.

Phường - xã, thị trấn: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn nơi xảy ra tai nạn.

c) Lực lượng ứng cứu: Lực lượng chuyên trách, Quân đội, Bộ đội biên phòng, Công an, Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy, dân quân tự vệ, Y tế, Chử thập đỏ, Thanh niên xung phong và các lực lượng khác của Thành phố.

d) Phương tiện, trang thiết bị: Ca nô, tàu thuyền, trang thiết bị tìm kiếm cứu nạn đường sông và các trang thiết bị chuyên dụng khác.

10. Tai nạn máy bay xảy ra tại Thành phố Hồ Chí Minh:

a) Cơ quan chỉ đạo: Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Cơ quan chỉ huy:

Thành phố: Bộ Tư lệnh Thành phố chủ trì, phối hợp với Công an Thành phố, Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy Thành phố, Sở Giao thông vận tải, Sở Y tế và các đơn vị liên quan.

Quận - huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện.

Phường - xã, thị trấn: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn.

c) Lực lượng ứng cứu: Quân đội, Công an, Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy, Y tế, Chử thập đỏ và các lực lượng khác của Thành phố.

d) Phương tiện, trang thiết bị: máy bay trực thăng, xe cứu hộ, xe cứu hỏa, các trang thiết bị chuyên dụng và các phương tiện, thiết bị y tế cấp cứu.

11. Bão, áp thấp nhiệt đới, lũ, lụt, xả lũ, mưa lớn, lốc xoáy, sự cố vỡ đê bao, bờ bao:

a) Cơ quan chỉ đạo: Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

b) Cơ quan chỉ huy:

Thành phố: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Tư lệnh Thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Thành phố, Công an Thành phố, Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy Thành phố, Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở, ngành liên quan.

Quận - huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện.

Phường - xã, thị trấn: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn.

c) Lực lượng ứng cứu: Quân đội, Bộ đội biên phòng, Công an, Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy, Thanh niên xung phong, dân quân tự vệ và các lực lượng khác của Thành phố.

d) Phương tiện, trang thiết bị: máy bay trực thăng, các loại ca nô, tàu thuyền, xuồng, xe lội nước, các loại phao, áo phao cứu sinh và các trang thiết bị phổ thông và chuyên dụng khác.

12. Sự cố cháy rừng:

a) Cơ quan chỉ đạo: Ban Chỉ huy cấp Thành phố về các vấn đề cấp bách trong bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng.

b) Cơ quan chỉ huy:

Thành phố: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy Thành phố, Bộ Tư lệnh Thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Thành phố, Công an Thành phố và các đơn vị liên quan.

Quận - huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện có rừng.

Phường - xã, thị trấn: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn có rừng.

c) Lực lượng ứng cứu: Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy, Công an, Quân đội, Kiểm lâm, Y tế, dân quân tự vệ và các lực lượng khác của Thành phố.

d) Phương tiện, trang thiết bị: máy bay trực thăng, xe cứu hỏa, máy bơm nước, máy gạt, máy xúc và các phương tiện, trang thiết bị chữa cháy khác.

13. Sự cố tai nạn nguy hiểm trong hoạt động sản xuất, đời sống hàng ngày (như người bị điện giật, sét đánh; người tâm thần đang trong tình trạng nguy hiểm; người đang trong tình trạng nguy hiểm dưới ao, hồ, giếng, sông, kênh, rạch...; người đang trong tình trạng nguy hiểm ở trên cao, trên mái nhà, trên cây, trên cột điện...; người bị chết đuối, tự tử; người ốm, bị bệnh, bị thương, người khuyết tật, người thiếu năng trí tuệ mà không tự thoát khỏi khu vực nguy hiểm hoặc căn phòng, căn nhà, thang máy...).

a) Cơ quan chỉ đạo: Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Cơ quan chỉ huy:

Thành phố: Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy Thành phố chủ trì, phối hợp với Bộ Tư lệnh Thành phố, Công an Thành phố, Sở Y tế, Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố, Hội Chữ thập đỏ Thành phố và các đơn vị liên quan.

Quận - huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện.

Phường - xã, thị trấn: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn.

c) Lực lượng ứng cứu: Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy, Công an, Quân đội, Y tế, Chử thập đỏ, Thanh niên xung phong và các lực lượng khác của Thành phố.

d) Phương tiện, trang thiết bị: xe cứu thương, xe cứu hộ, các thiết bị leo nhà cao tầng, thiết bị lặn, phao cứu sinh và các thiết bị y tế, cấp cứu.

VI. DANH MỤC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN; DANH MỤC ĐẦU TƯ, MUA SẮM PHƯƠNG TIỆN, TRANG THIẾT BỊ THIẾT YẾU, THÔNG DỤNG VÀ CHUYÊN DỤNG PHỤC VỤ ỨNG PHÓ SỰ CỐ, THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN, CỨU HỘ ĐẾN 2020

1. Danh mục đầu tư xây dựng cơ bản của Thành phố đến năm 2020: *(Đính kèm Phụ lục I).*

2. Danh mục đầu tư mua sắm phương tiện, trang thiết bị thiết yếu, thông dụng, chuyên dụng phục vụ ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ đến năm 2020 cho các lực lượng chuyên trách của Thành phố: *(Đính kèm Phụ lục II).*

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tư lệnh Thành phố, Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy Thành phố, Công an Thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố và các sở, ngành, đơn vị liên quan triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch này.

b) Căn cứ các Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này, hàng năm chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Bộ Tư lệnh Thành phố, Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy Thành phố, Công an Thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố tham mưu, đề xuất đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm phương tiện, trang thiết bị phục vụ cho tìm kiếm cứu nạn, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt bảo đảm phù hợp với nhu cầu công tác, không trùng lặp, lãng phí. Đồng thời, đề xuất bổ sung các phương tiện, trang thiết bị cần thiết theo nhu cầu của các quận - huyện, sở, ngành khác hàng năm.

2. **Sở Nội vụ:** chủ trì, phối hợp với Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố và cơ quan liên quan xây dựng các văn bản về kiện toàn cơ cấu tổ chức của Ban cho phù hợp với tình hình thực tế.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư: căn cứ danh mục tại các phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này, phối hợp với Sở Tài chính, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố tổng hợp kế hoạch đầu tư mua sắm phương tiện, trang thiết bị ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn Thành phố, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

4. Sở Tài chính: phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố cân đối, bố trí vốn đầu tư hàng năm để thực hiện các nội dung của Kế hoạch ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn Thành phố đến năm 2020.

5. Bộ Tư lệnh Thành phố:

a) Xây dựng kế hoạch, phương án hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, huy động lực lượng, vật tư, phương tiện; chủ trì phối hợp với Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố, Công an Thành phố, Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy Thành phố, Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố, Hội Chữ thập đỏ Thành phố, các sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các quận - huyện tổ chức triển khai thực hiện công tác ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ khi có thiên tai, tai nạn, thảm họa kịp thời, có hiệu quả, đảm bảo lực lượng quân đội là lực lượng chủ lực, nòng cốt.

b) Triển khai Dự án Trung tâm Huấn luyện Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn đã được Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận chủ trương tại Công văn số 2105/UBND-ĐTMT ngày 31 tháng 12 năm 2013.

c) Huấn luyện và thực hành diễn tập cho lực lượng làm công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ khi tham gia ứng phó sự cố, thiên tai, thảm họa; đảm bảo sử dụng thành thạo các loại phương tiện, trang thiết bị tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ đã được trang cấp.

d) Tham mưu đề xuất việc đầu tư trang bị các phương tiện, trang thiết bị tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ. Thường xuyên kiểm tra các đơn vị về việc quản lý, bảo trì, sử dụng các phương tiện, trang thiết bị đã được đầu tư để đảm bảo sẵn sàng trong các tình huống khẩn cấp.

6. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố:

a) Xây dựng kế hoạch, phương án huy động lực lượng, vật tư, phương tiện tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ; chủ trì phối hợp với Bộ Tư lệnh Thành phố, Công an Thành phố, Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy Thành phố và các sở, ban, ngành có liên

quan và Ủy ban nhân dân các quận - huyện tổ chức triển khai thực hiện tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên sông, trên biển kịp thời, có hiệu quả.

b) Thường xuyên kiểm tra việc chấp hành các quy định về trang thiết bị thông tin, liên lạc, dụng cụ cứu hộ, cứu nạn trên các phương tiện tàu, thuyền khi xuất bến hoạt động thủy sản trên địa bàn Thành phố.

7. Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy Thành phố:

a) Tham mưu đề xuất việc đầu tư trang bị các phương tiện, trang thiết bị chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ chuyên dụng, hiện đại, áp dụng công nghệ kỹ thuật mới như thiết bị dò tìm, quan sát trong đồng hồ nát, trong lòng đất, camera quan sát dưới nước, thiết bị dò tìm thân nhiệt, phát hiện nhiệt độ tăng cao... trang bị cho lực lượng tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ tương xứng ngang tầm với lực lượng cứu hộ, cứu nạn của các nước trong khu vực và trên thế giới.

b) Chủ trì, phối hợp với các lực lượng, sở, ngành, quận - huyện tổ chức hiệp đồng chặt chẽ, đảm bảo ứng phó, xử lý nhanh, kịp thời, hiệu quả trong việc thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ hàng ngày và khi xảy ra cháy lớn, cháy rừng, góp phần đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản nhà nước và an toàn tính mạng của nhân dân.

c) Xây dựng kế hoạch tổ chức huấn luyện và thực hành diễn tập nghiệp vụ tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ hàng năm cho cán bộ chiến sỹ. Tăng cường, mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế trong lĩnh vực ứng phó sự cố, thiên tai, thảm họa và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, liên kết đào tạo với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước nhằm nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ.

8. Công an Thành phố:

a) Chủ trì lập kế hoạch và phương án bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội. Khi có thiên tai, tai nạn, thảm họa xảy ra triển khai ngay kế hoạch bảo vệ, không để kẻ địch, bọn tội phạm, phần tử xấu lợi dụng thiên tai, tai nạn, thảm họa để phá hoại, chiếm đoạt tài sản của Nhà nước và nhân dân.

b) Xây dựng phương án đầu tư trang thiết bị, vật tư, phương tiện phòng, chống thiên tai, cứu nạn, cứu hộ trình Bộ Công an và Ủy ban nhân dân Thành phố (theo phân cấp) phê duyệt chủ trương để phân kỳ thực hiện. Thường xuyên kiểm tra và có kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa... các trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác tìm kiếm cứu nạn nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả trong quá trình tham gia giải

quyết các tình huống sự cố thiên tai, tai nạn, thảm họa và chi viện, hỗ trợ cho các đơn vị, địa phương khác khi có yêu cầu.

c) Tổ chức thực tập, diễn tập các phương án tìm kiếm cứu nạn nhằm ứng phó có hiệu quả khi xảy ra tình huống xấu...; tổ chức các lớp đào tạo, huấn luyện chuyên môn, nghiệp vụ để nâng cao kỹ năng cho lực lượng trực tiếp làm nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ.

9. Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố: chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, phương tiện, vật tư và kinh phí để chủ động tham gia phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai, tai nạn, thảm họa; chi viện, hỗ trợ cho quận - huyện khi được yêu cầu.

10. Sở Y tế:

a) Xây dựng hệ thống cấp cứu toàn Thành phố đủ mạnh, hiện đại, triển khai kịp thời trong mọi tình huống; trong đó có việc xây dựng phương án cấp cứu, điều trị nạn nhân khi xảy ra thiên tai, tai nạn, thảm họa.

b) Phối hợp chặt chẽ với lực lượng vũ trang địa phương làm tốt công tác kết hợp quân - dân y trong phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai, tai nạn, thảm họa.

11. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố lập kế hoạch, phương án về phòng và khắc phục hậu quả động đất, sóng thần, ứng phó xử lý sự cố tràn dầu trên địa bàn Thành phố.

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức để phòng ngừa, ứng phó động đất, sóng thần. Hướng dẫn và tổ chức thực hiện việc xử lý môi trường do động đất, sóng thần, thiên tai, tai nạn, thảm họa gây ra.

12. Hội Chữ thập đỏ Thành phố:

a) Phối hợp với các Sở, ngành liên quan và quận - huyện tham gia sơ cấp cứu, cứu nạn, cứu hộ, cứu trợ xã hội khẩn cấp khi có thiên tai, tai nạn, thảm họa xảy ra trên địa bàn Thành phố.

b) Củng cố, phát triển, tập huấn, trang bị dụng cụ cho mạng lưới sơ cấp cứu thuộc Hội Chữ thập đỏ.

c) Tổ chức, tham gia diễn tập với các ban ngành có liên quan về cứu nạn, cứu hộ, đặc biệt diễn tập có số lượng nạn nhân lớn.

13. Các sở, ngành, đơn vị khác:

a) Xây dựng phương án đầu tư mua sắm phương tiện, trang thiết bị chuyên dụng, thông dụng của từng Sở, ngành, đơn vị phục vụ công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt thông qua Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

b) Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ thực tế khách quan, địa bàn hoạt động để quyết định thành lập các Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn trực thuộc đơn vị. Kiện toàn Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn của sở, ngành, đơn vị mình.

c) Xây dựng kế hoạch hoạt động tìm kiếm cứu nạn; sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn theo kế hoạch, yêu cầu của Ủy ban nhân dân Thành phố, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố; chịu trách nhiệm thực hiện sự chỉ đạo của Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố về việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ liên quan đến sở, ngành, đơn vị mình.

14. Ủy ban nhân dân các quận - huyện:

a) Thành lập và kiện toàn Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn quận - huyện và chỉ đạo Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn kiện toàn Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn phường - xã, thị trấn.

b) Xây dựng phương án, kế hoạch hoạt động tìm kiếm cứu nạn, huy động lực lượng, phương tiện, trang thiết bị, vật tư dự phòng để sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn.

c) Hàng năm lập dự toán kinh phí đầu tư mua sắm phương tiện, trang thiết bị, diễn tập, tập huấn phục vụ công tác tìm kiếm cứu nạn thuộc phạm vi quản lý gửi Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố tổng hợp, tham mưu trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

d) Chỉ đạo các đơn vị, phường - xã, thị trấn trực thuộc chủ động tham gia các hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, khắc phục hậu quả do sự cố thiên tai, tai nạn, thảm họa; tổ chức điều tra, thống kê, đánh giá thiệt hại theo đúng quy định, kịp thời báo cáo và đề xuất cấp trên các biện pháp xử lý, khắc phục./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**PHỤ LỤC I:
DANH MỤC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN CỦA THÀNH PHỐ
ĐẾN NĂM 2020**

*(kèm theo Quyết định số 3402/QĐ-UBND
ngày 10 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

STT	NỘI DUNG	ĐỊA ĐIỂM	QUY MÔ (ha)	THỜI GIAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
	Bộ Tư lệnh Thành phố				
1	Trung tâm Huấn luyện phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn	Phường An Phú Đông, quận 12	2.8265	Thực hiện từ năm 2015 đến năm 2020	Công văn số 7105/UBND-ĐTMT ngày 31/12/2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHỤ LỤC II:

**DANH MỤC NHU CẦU MUA SẮM PHƯƠNG TIỆN, TRANG THIẾT BỊ
THIẾT YẾU, THÔNG DỤNG, CHUYÊN DỤNG PHỤC VỤ ỨNG PHÓ SỰ
CỐ, THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN, CỨU HỘ ĐẾN NĂM 2020 CỦA
CÁC LỰC LƯỢNG CHUYÊN TRÁCH CỦA THÀNH PHỐ**

*(kèm theo Quyết định số 3402/QĐ-UBND
ngày 10 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

STT	DANH MỤC	ĐVT	DỰ KIẾN PHÂN KỲ ĐẾN NĂM 2020		
			SỐ LƯỢNG	GIẢI ĐOẠN 2015-2017	GIẢI ĐOẠN 2018 - 2020
I	Bộ Tư lệnh Thành phố				
1	Canô vỏ Compozit 600CV	chiếc	1		1
2	Canô vỏ Compozit 250CV	chiếc	2	1	1
3	Canô vỏ nhôm 600CV	chiếc	1		1
4	Xe PTS	chiếc	1		1
5	Xe Pab	chiếc	1		1
6	Xe DM2	chiếc	1		1
7	Thiết bị lặn đồng bộ	bộ	10	5	5
8	Súng bắn đạn tín hiệu	khẩu	3	1	2
9	Súng bắn dây mồi	khẩu	2	1	1
10	Đạn tín hiệu	viên	100	40	60
11	Đạn bắn dây mồi	viên	50	20	30
12	Phao áo cứu sinh các loại	cái	2000	1000	1000
13	Phao tròn cứu sinh các loại	cái	200	100	100
14	Phao bè các loại	cái	50	20	30
15	Máy hàn dưới nước	máy	2	1	1
16	Xe phá dỡ đa năng	chiếc	1		1
17	Mặt nạ	bộ	100	50	50
18	Mặt nạ bình dưỡng khí	bộ	100	50	50
19	Mặt nạ chống khói độc nhìn đêm	bộ	20	10	10
20	Xe cứu hộ cứu nạn chuyên dụng	chiếc	1		1
21	Xe cầu các loại	chiếc	2	1	1

22	Xe nâng các loại	chiếc	2	1	1
23	Máy đào	chiếc	2	1	1
24	Máy xúc lật	chiếc	1		1
25	Máy xúc đa năng	chiếc	1		1
26	Máy ủi, máy gạt đa năng	chiếc	2	1	1
27	Máy khoan bê tông	máy	4	2	2
28	Máy cắt bê tông	máy	4	2	2
29	Bộ đục phá bê tông	bộ	4	2	2
30	Bộ dụng cụ phá dỡ	bộ	4	2	2
31	Máy cưa các loại	máy	10	5	5
32	Bộ thiết bị dò tìm vật nổ	bộ	2	1	1
33	Ro bot dò tìm và quan sát	chiếc	2	1	1
34	Bộ thiết bị cứu hộ, cứu nạn thủy lực	bộ	4	2	2
35	Bộ kích thủy lực	bộ	2	1	1
36	Bộ kích túi khí	bộ	2	1	1
37	Kích thủy lực các loại	bộ	4	2	2
38	Búa chèn	cái	4	2	2
39	Đèn công tác cá nhân	cái	20	10	10
40	Đèn cứu nạn dưới nước	cái	5	2	3
41	Máy ép hơi	máy	2	1	1
42	Máy nén khí	máy	2	1	1
43	Quạt gió công suất cao	cái	5	2	3
44	Xe trình sát phóng xạ, hóa học, sinh học	chiếc	1		1
45	Xe tắm khử trùng	chiếc	1		1
46	Xe tiêu tủy	chiếc	2	1	1
47	Khí tài trình sát phóng xạ	bộ	2	1	1
48	Khí tài trình sát sinh học	bộ	1		1
49	Khí tài trình sát hóa học	bộ	1		1
50	Khí tài bảo hộ cá nhân	bộ	1		1
51	Khí tài bảo hộ tập thể	bộ	1		1
52	Quần áo phòng độc	bộ	20	10	10
53	Mặt nạ cách ly	bộ	50	20	30
54	Xe chỉ huy PCLB-TKCN các loại	chiếc	1		1
55	Xe vận tải các loại	chiếc	4	2	2
56	Xe ca	chiếc	2	1	1
57	Xe ô tô chở nhiên liệu	chiếc	1		1
58	Máy thu, phát sóng ngắn	máy	2		2
59	Thiết bị thông tin vệ tinh	bộ	1		1
60	Tổng đài	bộ	1		1
61	Máy điện thoại gọi qua vệ tinh	máy	10	5	5
62	Trun king	chiếc	20	10	10

63	Trạm Vsat	trạm	1		1
64	Máy tạo oxi khí trời có nén khí	máy	1		1
65	Cáng bạt cứu thương	cái	20	10	10
66	Cáng nổi	cái	10		10
67	Cáng nẹp cứng cứu thương	cái	10		10
68	Máy định vị vệ tinh	máy	5	2	3
69	Máy phát điện các loại	máy	5	2	3
70	Máy phát điện có hệ thống đèn pha	máy	5	2	3
71	Thiết bị lọc nước	bộ	20	10	10
72	Ống nhôm các loại	cái	20	10	10
73	Nhà bạt cứu sinh các loại	bộ	20	10	10
74	Đèn pin	cái	20	10	10
75	Đèn chiếu sáng	cái	10	5	5
76	Thiết bị nhìn đêm	bộ	5	2	3
77	Trang thiết bị bảo đảm huấn luyện tìm kiếm, cứu nạn	bộ	2	1	1
78	Thảm, đệm đa năng cơ động (MobiMap)	bộ	4	2	2
79	Trang phục lĩnh vực tìm kiếm cứu nạn	bộ	20	10	10
80	Thiết bị bảo hộ cá nhân	bộ	20	10	10
81	Camera các loại	cái	4	2	2
II	Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy				
1	Máy phát điện các loại	máy	30	6	24
2	Máy sạc bình điện	máy	30	10	20
3	Bộ dây đai có móc khóa	bộ	250	100	150
4	Ứng cách điện	đôi	300	100	200
5	Găng tay cách điện	đôi	300	100	200
6	Thiết bị thông tin liên lạc dưới nước	bộ	50	15	35
7	Thiết bị cứu người trong hồ sâu (giá ba chân)	bộ	20	6	14
8	Găng tay chuyên dụng, sử dụng hoạt động cứu hộ trên cao bằng dây	đôi	420	120	300
9	Bồn giảm áp	bộ	7	2	5
10	Ròng rọc cứu nạn, cứu hộ	bộ	25	5	20
11	Thiết bị phóng thang dây và dây cứu nạn, cứu hộ	bộ	25	5	20
12	Tàu tuần tra kết hợp tìm kiếm cứu nạn trên biển có tốc độ cao, thời gian hoạt động liên tục 10 ngày, chịu được gió cấp 8	chiếc	2	1	1
13	Tàu kéo cứu hộ, thời gian hoạt động liên tục 20 ngày đêm, chịu được gió cấp 12	chiếc	2	1	1
14	Xuồng ST450 vỏ nhôm (lắp máy từ 15CV đến 40CV)	chiếc	8	4	4

15	Xuồng ST450 vỏ Compozit (lắp máy từ 15CV đến 40CV)	chiếc	8	4	4
16	Xuồng ST660 vỏ nhôm (lắp máy từ 60CV đến 125CV)	chiếc	6	3	3
17	Xuồng ST660 vỏ Compozit (lắp máy từ 60CV đến 125CV)	chiếc	6	3	3
18	Xuồng ST750 vỏ nhôm	chiếc	6	3	3
19	Xuồng ST1200 vỏ nhôm	chiếc	4	2	2
20	Xuồng CQ vỏ Compozit	chiếc	10	5	5
21	Xuồng cao su	chiếc	20	10	10
22	Xuồng cao su chèo tay	chiếc	10	5	5
23	Xuồng cao su gắn máy	chiếc	24	12	12
24	Xuồng cứu sinh 10 người	chiếc	20	10	10
25	Xuồng cứu sinh 20 người	chiếc	20	10	10
26	Thiết bị lặn đồng bộ	bộ	300	150	150
27	Súng bắn đạn tín hiệu	khẩu	6	3	3
28	Đạn tín hiệu	viên	60	30	30
29	Phao áo cứu sinh các loại	cái	2000	1000	1000
30	Phao tròn cứu sinh các loại	cái	2000	1000	1000
31	Phao bè các loại	cái	60	30	30
32	Xe chữa cháy các loại	chiếc	30	15	15
33	Xe thang chữa cháy các loại	chiếc	20	10	10
34	Xe phá dỡ đa năng	chiếc	35	15	20
35	Máy hút khói	máy	60	30	30
36	Xe chuyên dùng hút khói	chiếc	24	12	12
37	Quạt thổi khói	cái	30	10	20
38	Máy bơm chữa cháy các loại	máy	50	15	35
39	Thiết bị hút cạn	bộ	25	10	15
40	Thiết bị trộn hóa chất Foam	bộ	25	10	15
41	Bể chứa nước di động	chiếc	30	10	20
42	Lăng phun các loại	chiếc	300	100	200
43	Bộ chia	chiếc	300	100	200
44	Vòi chữa cháy các loại	cuộn	2500	1000	1500
45	Thiết bị thoát hiểm	bộ	150	50	100
46	Thiết bị chữa cháy cầm tay	bộ	550	250	300
47	Mặt nạ bình dưỡng khí	bộ	500	200	300
48	Mặt nạ chống khói độc nhìn đêm	bộ	500	200	300
49	Bộ thở cá nhân	bộ	500	200	300
50	Trang phục phòng cháy chữa cháy các loại	bộ	3000	1000	2000
51	Xe cứu hộ cứu nạn chuyên dụng	chiếc	10	5	5
53	Xe cầu các loại	chiếc	10	5	5
54	Xe nâng các loại	chiếc	10	5	5
55	Xe đầu kéo các loại	chiếc	8	4	4

56	Xe rà phá vật cản IRM-2	chiếc	4	2	2
57	Máy đào	chiếc	8	3	5
58	Máy xúc lật	chiếc	8	3	5
59	Máy xúc đa năng	chiếc	8	3	5
60	Máy ủi, máy gạt đa năng	chiếc	8	3	5
61	Máy khoan bê tông	máy	50	25	25
62	Máy cắt bê tông	máy	30	10	20
63	Máy đục phá bê tông	máy	30	10	20
64	Bộ dụng cụ phá dỡ	bộ	50	20	30
65	Máy cưa các loại	máy	50	20	30
66	Bộ thiết bị dò tìm vật nổ	bộ	30	10	20
67	Bộ thiết bị xử lý vật nổ	bộ	30	10	20
68	Ro bot dò tìm và quan sát	bộ	50	20	30
69	Thiết bị dò tìm tổng hợp	bộ	50	20	30
70	Bộ thiết bị cứu hộ, cứu nạn thủy lực	bộ	60	20	40
71	Bộ thiết bị cứu hộ, cứu nạn cầm tay	bộ	100	50	50
72	Bộ kích thủy lực	bộ	30	10	20
73	Bộ kích túi khí	bộ	30	10	20
74	Kích chống tường	bộ	30	10	20
75	Kích thủy lực các loại	bộ	30	10	20
76	Búa chèn	cái	60	20	40
77	Đèn công tác cá nhân	cái	1200	500	750
78	Đèn cứu nạn dưới nước	cái	500	250	250
79	Máy nén khí	máy	40	20	20
80	Quạt gió công suất cao	cái	30	10	20
81	Thiết bị khoan các loại	bộ	80	30	50
82	Xe kích thủy lực	chiếc	10	5	5
83	Trang thiết bị bảo đảm huấn luyện tìm kiếm, cứu nạn	bộ	80	30	50
84	Thảm, đệm đa năng cơ động (MobiMap)	bộ	50	20	30
85	Trang phục lĩnh vực tìm kiếm cứu nạn	bộ	2500	1000	1500
86	Thiết bị bảo hộ cá nhân	bộ	2500	1000	1500
87	Máy quét laser	cái	8	3	5
III	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố				
1	Tàu tuần tra kết hợp tìm kiếm cứu nạn trên biển có tốc độ cao, thời gian hoạt động liên tục 10 ngày, chịu được gió cấp 8	chiếc	1	1	
2	Tàu tìm kiếm, cứu nạn trên biển, thời gian hoạt động liên tục 20 ngày đêm, chịu gió cấp 10	chiếc	1		1
3	Xuồng ST660 vỏ nhôm (lắp máy từ 60CV đến 125CV)	chiếc	1	1	

4	Xuồng ST660 vỏ Compozit (lắp máy từ 60CV đến 125CV)	chiếc	1		1
5	Xuồng ST450 vỏ nhôm (lắp máy từ 15CV đến 40CV)	chiếc	2	1	1
6	Xuồng ST450 vỏ Compozit (lắp máy từ 15CV đến 40CV)	chiếc	2	1	1
7	Xuồng cao su	chiếc	5	2	3
8	Xe Gát 59037 A	chiếc	1		1
9	Áo phao cứu sinh các loại	cái	600	300	300
10	Phao tròn cứu sinh các loại	cái	400	200	200
11	Phao bè các loại	cái	30	15	15
12	Súng bắn dây mồi	khẩu	8	4	4
13	Đạn bắn dây mồi	viên	100	50	50
14	Giấy thấm dầu	m ²	1500	500	1000
15	Bộ dụng cụ thu dọn dầu	bộ	10	5	5
16	Trang phục ứng phó sự cố tràn dầu	bộ	80	40	40
17	Trang phục ứng phó sự cố tràn dầu khác	bộ	40	20	20
18	Quần áo phòng độc	bộ	20	10	10
19	Thiết bị phòng độc	bộ	40	20	20
20	Máy phát điện các loại	máy	8	4	4
21	Ống nhôm các loại	cái	8	4	4
22	Nhà bạt cứu sinh các loại	bộ	6	2	4
24	Đèn pin	cái	400	200	200
25	Máy phát sóng ngắn	máy	5	2	3
26	Máy thu sóng ngắn	máy	5	2	3
27	Máy thu, phát sóng ngắn	máy	6	1	5
28	Máy thu, phát sóng cực ngắn	máy	50	20	30
29	Hệ thống truyền số liệu	bộ	5	2	3
30	Thiết bị thông tin vệ tinh	bộ	16	6	10
31	Thiết bị liên kết mạng thông tin ACU-T	bộ	2	1	1
32	Tổng đài	cái	2	1	1
33	An ten HF	bộ	3	1	2
34	An ten VHF	bộ	40	20	20
35	Trun king	chiếc	2	1	1
36	Thiết bị truyền hình	bộ	2	1	1
37	Thiết bị truyền dẫn	bộ	2	1	1
38	Thiết bị nguồn (nguồn máy phát điện 5KW)	bộ	2	1	1
39	Trạm Vsat	trạm	2	1	1
40	Xe thông tin cơ động	chiếc	2	1	1
41	Dây và cáp điện thoại	m	7000	2000	5000
42	Máy định vị vệ tinh	máy	4	2	2
48	Thiết bị nhìn đêm	bộ	10	2	2

49	Thiết bị lọc nước	bộ	6	3	3
50	Máy phát điện có hệ thống đèn pha	máy	2	1	1
IV	Công an Thành phố				
1	Tàu tuần tra kết hợp tìm kiếm cứu nạn trên biển có tốc độ cao, thời gian hoạt động liên tục 10 ngày, chịu được gió cấp 8	chiếc	1		1
2	Xe lội nước	chiếc	2	1	1
3	Xuồng ST450 vỏ nhôm (lắp máy từ 15CV đến 40CV)	chiếc	5	2	3
4	Xuồng ST450 vỏ Compozit (lắp máy từ 15CV đến 40CV)	cái	2000	1000	1000
5	Phao tròn cứu sinh các loại	cái	2000	1000	1000
6	Máy khoan bê tông	máy	8	4	4
7	Máy cắt bê tông	máy	8	4	4
8	Máy cưa các loại	máy	10	5	5
9	Máy phát điện các loại	máy	10	5	5
10	Thiết bị bảo hộ cá nhân	bộ	200	100	100
V	Sở Tài nguyên và Môi trường				
1	Tàu đa năng ứng phó sự cố tràn dầu, thời gian hoạt động đến 10 ngày	chiếc	1	1	
2	Xà lan chứa dầu các loại	chiếc	1	1	
3	Chất phân tán	kg	500	500	
4	Giấy thấm dầu	m ²	5,000	5,000	
5	Phao quây dầu trên sông	m	500	500	
6	Thiết bị phun chất phân tán lắp trên tàu	bộ	1	1	
7	Bơm hút dầu chuyên dụng các loại	bộ	1	1	
8	Bộ dụng cụ thu dọn dầu	bộ	1	1	
9	Thùng chứa dầu thu gom cơ động các loại	cái	50	50	
10	Hệ thống làm sạch dầu áp lực cao các loại	bộ	1	1	
VI	Lực lượng Thanh niên xung phong				
1	Xuồng ST450 vỏ nhôm (lắp máy từ 15CV đến 40CV)	chiếc	1		1
2	Xuồng ST450 vỏ Compozit (lắp máy từ 15CV đến 40CV)	chiếc	2	1	1
3	Phao áo cứu sinh các loại	cái	180	90	90
4	Phao tròn cứu sinh các loại	cái	180	90	90
5	Túi cấp cứu lưu động	túi	18	9	9
6	Đèn công tác cá nhân	cái	40	20	20
7	Bộ đục phá bê tông	bộ	4	2	2
8	Máy cắt bê tông	máy	2	1	1
9	Cáng bạt cứu thương	cái	2	1	1
10	Ổng nhôm các loại	cái	5	2	3

11	Nhà bạt cứu sinh các loại	bộ	20	10	10
12	Cuốc, xẻng, dao các loại	cái	100	50	50
13	Bộ đàm	cái	15	10	5
VII	Hội Chữ thập đỏ				
1	Túi cấp cứu lưu động	túi	240	120	120
2	Nẹp cố định xương gãy	cái	240	120	120
3	Cáng bạt cứu thương	cái	30	15	15
4	Nón bảo hộ lao động	cái	60	30	30
5	Tấm bạt trải	tấm	120	60	60

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13/CT-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 7 năm 2015

CHỈ THỊ
**Về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội
và dự toán ngân sách nhà nước năm 2016**

Năm 2016 là năm có ý nghĩa rất quan trọng, năm đầu tiên thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII, Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ X, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020. Kế hoạch phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2016 của Thành phố được xây dựng trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới có xu hướng hồi phục, kinh tế trong nước tiếp tục được mở rộng, có dấu hiệu khởi sắc, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, nhưng vẫn còn tiềm ẩn nhiều vấn đề khó khăn, thách thức.

Đề nghiêm túc thực hiện Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2016 sát hợp với tình hình thực tiễn của Thành phố; Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ thị Thủ trưởng các sở - ban - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc, Giám đốc các Tổng Công ty, Công ty nhà nước thuộc Thành phố tập trung triển khai các nội dung chủ yếu sau:

**I. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN
KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2016:**

1. Mục tiêu tổng quát:

Tập trung mọi nguồn lực đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế gắn với việc hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu, tái cấu trúc, nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế Thành phố theo hướng đi vào chiều sâu, chất lượng và hiệu quả, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát; phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng gắn với chỉnh trang đô thị, cung cấp nước sạch, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm phát triển bền vững; bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội, giảm nghèo bền vững, nâng cao chất lượng sống của nhân dân; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin gắn với cải cách hành chính; mở rộng và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

2. Nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội Thành phố năm 2016:

2.1. Về phát triển kinh tế ổn định, tăng trưởng bền vững:

Triển khai hiệu quả các giải pháp, chính sách của Trung ương, đồng thời đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng tăng trưởng gắn với tái cấu trúc kinh tế thành phố, tập trung nguồn lực phát triển nhanh các ngành, sản phẩm công nghiệp, dịch vụ có hàm lượng khoa học - công nghệ cao, giá trị gia tăng cao, phát triển công nghiệp hỗ trợ, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái. Phân đầu, tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm nội địa (GRDP) tăng 7,5% - 8%; giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa tăng trưởng và ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội.

Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia giai đoạn 2015 - 2016 và Quyết định số 3301/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 19/NQ-CP; tạo điều kiện, môi trường thuận lợi, bình đẳng để phát triển các thành phần kinh tế và thu hút đầu tư trong và ngoài nước. Khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm. Triển khai thực hiện có hiệu quả Luật Doanh nghiệp (sửa đổi), Luật Đầu tư (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tăng cường cung cấp thông tin hỗ trợ doanh nghiệp. Đơn giản hóa các thủ tục hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết các thủ tục hành chính nhằm tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.

Tích cực, chủ động khai thác mở rộng thị trường, tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại và đầu tư; đổi mới cách thức tổ chức các chương trình xúc tiến thương mại theo hướng chú trọng vào khâu tổ chức và cung cấp thông tin thị trường, chú ý các thị trường truyền thống, thị trường tiềm năng chưa khai thác hết, thâm nhập mở rộng vào các thị trường mới, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, nhập khẩu nhằm không để phụ thuộc vào một số ít thị trường, đồng thời kiểm soát chặt chẽ nhập khẩu với những mặt hàng không khuyến khích. Tập trung phát triển 9 nhóm ngành dịch vụ chủ yếu có tiềm năng và là thế mạnh của thành phố, phân đầu trở thành trung tâm dịch vụ tầm cỡ khu vực Đông Nam Á. Đẩy mạnh phát triển thị trường trong nước, phát triển nhanh mạng lưới phân phối, bán buôn và bán lẻ, hỗ trợ doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm.

Tiếp tục thực hiện Chương trình chuyển dịch cơ cấu công nghiệp, tập trung phát triển 4 ngành công nghiệp trọng yếu có hàm lượng khoa học - công nghệ cao, sản

phẩm công nghiệp có lợi thế cạnh tranh, công nghiệp sạch ít gây ô nhiễm môi trường, tiết kiệm năng lượng, năng suất lao động cao, giá trị gia tăng lớn, công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn. Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn thành phố đến năm 2020, trong đó tập trung xây dựng, triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách khuyến khích, thu hút và hỗ trợ đầu tư cho phát triển công nghiệp hỗ trợ nhằm giảm nhập khẩu, nâng cao tỷ lệ nội địa hóa các sản phẩm gia công, lắp ráp. Tổ chức thực hiện công khai hóa các cam kết của nhà đầu tư nước ngoài về tỷ lệ nội địa hóa sản xuất sản phẩm nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong nước nắm bắt thông tin, nhu cầu của nhà đầu tư nước ngoài và tham gia vào chuỗi cung ứng.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến về Chương trình nông thôn mới, nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt được; thực hiện chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị hiện đại, hiệu quả, bền vững; chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, thủy sản theo hướng nông nghiệp sạch, không gây ô nhiễm môi trường, tăng cường ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học. Phát triển nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học để sản xuất giống cây, giống con chất lượng và năng suất cao, từng bước hình thành trung tâm giống cây, giống con của khu vực. Tiếp tục tổ chức nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư về vốn với sự tham gia của tất cả các thành phần kinh tế trong quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nông thôn.

Triển khai thực hiện các chính sách tiền tệ, tài khóa của Trung ương. Kiểm soát chặt chẽ và minh bạch thu, chi ngân sách nhà nước, đầu tư công, nhất là đầu tư từ ngân sách nhà nước, trái phiếu Chính phủ và đầu tư của khu vực doanh nghiệp nhà nước; đồng thời sử dụng hiệu quả các nguồn vốn cho phát triển kinh tế ở tất cả các ngành, lĩnh vực, đưa ra các giải pháp phù hợp để thu hút mạnh các nguồn lực ngoài Nhà nước cho đầu tư phát triển, nâng cao chất lượng công tác lập dự toán ngân sách nhà nước.

Tăng cường công tác phối hợp giữa các ngành, các cấp trong hoạt động kiểm tra, kiểm soát giá cả, thị trường. Bảo đảm cung cầu và bình ổn giá những hàng hóa thiết yếu.

Tiếp tục đẩy mạnh quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước theo hướng công khai, minh bạch; tiếp tục tăng cường công tác quản lý, giám sát chặt chẽ hoạt động của các doanh nghiệp Nhà nước và thực hiện Luật Quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp, nhằm nâng cao hiệu suất, hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

2.2. Về phát triển đô thị bền vững, xây dựng đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng và bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu:

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về quy hoạch, tổ chức giám sát, kiểm tra, thanh tra, thực hiện quy hoạch và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy hoạch. Hoàn thành và phê duyệt quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu, các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết.

Tăng cường quản lý đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương, tiếp tục triển khai bố trí vốn hiệu quả và tiết kiệm; tăng cường quản lý đầu tư và xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản từ nguồn ngân sách nhà nước. Tăng cường công tác giám sát, đánh giá đầu tư để đảm bảo thực hiện đầu tư đúng quy hoạch, kế hoạch được duyệt. Tranh thủ tối đa các nguồn vốn ODA để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng trọng điểm, quy mô lớn. Tập trung rà soát, đề xuất bổ sung điều chỉnh các cơ chế chính sách phù hợp, thông thoáng để khuyến khích nhà đầu tư tham gia đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng bằng các hình thức như: PPP, BOT, BTO, BT..., tập trung vào các lĩnh vực giao thông, cung cấp nước sạch, giảm ngập nước...

Tiếp tục rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ sở pháp lý về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường để phù hợp với thực tiễn. Ngăn chặn việc khai thác trái phép, khai thác lãng phí các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Tập trung nghiên cứu và đề ra các giải pháp nâng cao khả năng phòng tránh nhằm giảm thiểu tác động xấu của biến đổi khí hậu, mực nước biển dâng; ứng cứu kịp thời và khắc phục hậu quả xấu do thiên tai gây ra.

2.3. Về phát triển giáo dục - đào tạo, y tế, khoa học - công nghệ, văn hóa, bảo đảm an sinh xã hội:

a) Từng bước phát triển giáo dục, đào tạo theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế đến năm 2020. Tập trung triển khai thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển giáo dục và Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 (khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo của các bậc học; đồng đều chất lượng giáo dục nội thành và ngoại thành, giáo dục hướng nghiệp và dạy nghề phổ thông. Đổi mới cơ chế quản lý giáo dục, phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý, đảm bảo cung cấp đầy đủ giáo viên các cấp học, ngành học (nhất là giáo viên mầm non và tiểu học); nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cơ sở vật chất của nhà trường; củng cố và mở rộng mạng lưới trường lớp, đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân; đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa giáo dục, tăng cường huy động các nguồn lực phát

triển giáo dục. Từng bước nâng cao tỷ lệ lao động đã qua đào tạo, đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao của các ngành, lĩnh vực trọng yếu và đào tạo nghề cho nhân dân các vùng đô thị hóa.

b) Tiếp tục triển khai Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XI) và Chiến lược về phát triển khoa học và công nghệ; tập trung thực hiện có hiệu quả các chương trình quốc gia về đổi mới công nghệ, phát triển công nghệ cao, nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học - công nghệ. Thực hiện đồng bộ 3 nhiệm vụ chủ yếu về gắn kết hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ với thực tiễn; nâng cao năng lực quản lý, xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách thích hợp nhằm phát huy tiềm năng khoa học và công nghệ; phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ bảo đảm phát triển bền vững và hội nhập kinh tế thế giới, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và chất lượng sống của người dân.

c) Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh nhằm chăm sóc tốt sức khỏe cho nhân dân. Phát triển hệ thống y tế dự phòng để chủ động phòng, chống các dịch bệnh nguy hiểm đối với người. Đổi mới cơ chế giá dịch vụ khám chữa bệnh đồng bộ với đổi mới về cơ chế đối với các dịch vụ công cho y tế; đẩy mạnh xã hội hóa và đa dạng hóa nguồn lực đối với các lĩnh vực y tế, giảm quá tải các bệnh viện, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát chất lượng và giá thuốc. Tăng cường công tác quản lý chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm; xây dựng các mô hình cung cấp thực phẩm an toàn.

d) Triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 9 (khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa; phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực thông tin, văn hóa, thể thao. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, hiện đại, văn minh, nghĩa tình, đậm đà bản sắc dân tộc, tăng cường hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể dục thể thao. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động nguồn lực của xã hội đầu tư vào các lĩnh vực văn hóa - xã hội. Tăng cường quản lý các lễ hội, hoạt động văn hóa, thông tin, thể thao; hạn chế tối đa việc sử dụng ngân sách nhà nước để tổ chức lễ hội. Tích cực đấu tranh ngăn chặn các tệ nạn xã hội, nhất là ma túy, mại dâm.

đ) Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa XI) về một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020. Thực hiện có hiệu quả các chính sách an sinh và phúc lợi xã hội, đặc biệt là công tác giảm nghèo bền vững, tạo việc làm, chăm lo cho các đối tượng chính sách và người có công. Đẩy mạnh phát triển thị trường lao động, đa dạng hóa các kênh giới thiệu và giải quyết việc làm, chú trọng tạo việc làm ổn định, cải thiện môi trường và điều kiện lao động, tăng thu nhập và nâng cao mức sống cho người lao động. Đa dạng hóa các nguồn lực và phương án thực hiện chương

trình giảm nghèo bền vững theo hướng phát huy nội lực, kết hợp sự trợ giúp của cộng đồng quốc tế, nhằm tăng khả năng tiếp cận của người nghèo đối với các dịch vụ xã hội cơ bản (y tế, giáo dục, nhà ở,...), từng bước thu hẹp khoảng cách giàu nghèo. Tiếp tục triển khai thực hiện chương trình bình ổn thị trường góp phần bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn.

Thực hiện tốt các chính sách dân tộc và tôn giáo; bình đẳng giới, nâng cao vị thế của phụ nữ. Chú trọng công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ quyền lợi của trẻ em. Thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam.

2.4. Về cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng, lãng phí, giải quyết khiếu nại, tố cáo:

a) Tiếp tục thực hiện đồng bộ, hiệu quả Chương trình cải cách hành chính trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2020, xây dựng nền hành chính trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả. Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa một số dịch vụ công gắn với tinh giản bộ máy tổ chức, biên chế, tái cấu trúc nền tài chính công. Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước gắn với việc đổi mới phương thức điều hành của hệ thống hành chính, tạo sự công khai minh bạch trong công tác quản lý nhà nước.

b) Triển khai có hiệu quả Luật, Chương trình hành động và Kết luận của Trường Ban chỉ đạo Trung ương về phòng chống tham nhũng. Kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động các cơ quan chuyên trách về phòng, chống tham nhũng. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra để phòng ngừa, phát hiện, xử lý các hành vi tham nhũng.

c) Thực hiện thường xuyên, nghiêm túc công tác tiếp công dân; nâng cao hiệu quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, bảo đảm ổn định chính trị, xã hội. Xử lý kịp thời, nghiêm minh các trường hợp vi phạm để củng cố lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

2.5. Tập trung thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo đảm giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội. Nắm chắc diễn biến và dự báo chính xác tình hình làm cơ sở cho việc xây dựng các phương án tác chiến cụ thể ứng phó kịp thời và có hiệu quả các tình huống xảy ra, không để bị động, bất ngờ. Đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc; kết hợp chặt chẽ giữa chính quyền địa phương với lực lượng công an và các ngành chức năng trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Triển khai hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia về phòng chống tội phạm, ma túy, mua bán người. Tăng cường thực hiện Chiến lược quốc gia về bảo

đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ và các giải pháp đồng bộ đã đề ra về an toàn giao thông, xử lý nghiêm các vi phạm; nâng cao hiệu quả công tác phòng cháy, chữa cháy, phòng, chống thiên tai, lụt, bão, tìm kiếm cứu nạn. Thực hiện tốt đường lối đối ngoại, tăng cường hợp tác quốc tế, tranh thủ mọi nguồn lực bên ngoài để phát triển thành phố.

2.6. Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền; thường xuyên cung cấp thông tin kịp thời cho các cơ quan thông tin đại chúng, trước hết là thông tin về chủ trương, đường lối, cơ chế, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thông tin liên quan đến tình hình kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế, bảo vệ chủ quyền biển đảo,... để người dân hiểu rõ về tình hình và chính sách của Đảng, Nhà nước, từ đó tạo sự đồng thuận trong nhân dân, thực hiện tốt các mục tiêu trên cơ sở kế hoạch đã đề ra. Tăng cường tiếp xúc, đối thoại, nhất là về cơ chế, chính sách gắn liền với cuộc sống của người dân và hoạt động của doanh nghiệp.

3. Nhiệm vụ xây dựng dự toán ngân sách Thành phố năm 2016:

Việc xây dựng dự toán ngân sách năm 2016 phải dựa trên cơ sở đánh giá tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch 5 năm 2011 - 2015 và bám sát các mục tiêu chủ yếu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 trình Đại hội Đảng Thành phố; đồng thời, phù hợp với Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020; đúng chế độ, chính sách của Nhà nước và trên tinh thần tiết kiệm, chống lãng phí; bảo đảm cân đối nguồn lực để thực hiện các chế độ, chính sách đã được cấp có thẩm quyền ban hành; và đảm bảo công khai, minh bạch, đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

3.1. Đối với dự toán thu ngân sách nhà nước:

a) Dự toán thu ngân sách nhà nước phải được xây dựng tích cực và theo đúng chính sách, chế độ hiện hành, trên cơ sở đánh giá sát khả năng thực hiện thu ngân sách năm 2015, dự báo tình hình đầu tư, phát triển sản xuất, kinh doanh và hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu năm 2016 có tính đến các tác động trong và ngoài nước trong tình hình mới; tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm thu do thực hiện các văn bản pháp luật về thuế mới sửa đổi, bổ sung và thực hiện lộ trình cắt giảm thuế quan theo cam kết quốc tế.

- Dự báo tăng trưởng kinh tế và nguồn thu năm 2016 đối với từng ngành, từng lĩnh vực, năng lực và hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của từng đối tượng nộp thuế trên địa bàn, những nguồn thu mới, lớn phát sinh trên địa bàn để tính đúng, tính đủ nguồn thu đối với từng lĩnh vực, sắc thuế theo chế độ. Phân tích, đánh giá cụ

thể những tác động ảnh hưởng đến dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2016 theo từng địa bàn, lĩnh vực thu, từng khoản thu, sắc thuế; trong đó tập trung đánh giá ảnh hưởng nguồn thu do thực hiện các chính sách gia hạn, miễn, giảm thuế và các chính sách thu mới của các cấp có thẩm quyền.

- Xây dựng dự toán thu các khoản thu từ nhà, đất năm 2016 sát thực tế, trên cơ sở dự báo đúng sự phát triển của thị trường bất động sản trên địa bàn, bám sát khả năng triển khai thực hiện quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt, kế hoạch, tiến độ thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất, giao đất và nộp tiền sử dụng đất theo quy định tại Luật Đất đai năm 2013.

b) Tăng cường kiểm tra, thanh tra việc kê khai thuế của các tổ chức, cá nhân nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp kê khai không đúng, không đủ số thuế phải nộp; chỉ đạo quyết liệt chống thất thu, thu hồi số nợ thuế từ các năm trước, các khoản thu từ các dự án đầu tư đã hết thời gian ưu đãi, các khoản thu được phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán,...

c) Xây dựng dự toán thu nội địa (không kể thu tiền sử dụng đất) **tăng bình quân tối thiểu từ 15% trở lên** so với đánh giá ước thực hiện năm 2015 (đã loại trừ các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách). Dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu **tăng bình quân 6 - 8%** so với đánh giá ước thực hiện năm 2015.

3.2. Đối với dự toán chi ngân sách địa phương:

a) Dự toán chi ngân sách địa phương năm 2016 được xây dựng trên cơ sở triệt để tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu xác định nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng cần thực hiện. Lập dự toán chi ngân sách địa phương theo đúng các quy định pháp luật về chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách hiện hành; trong đó từng ngành, cơ quan, đơn vị cần chủ động sắp xếp thứ tự các nhiệm vụ chi ưu tiên theo mức độ cấp thiết, khả năng triển khai, hoàn thành trong năm 2016 và các năm sau để nâng cao tính chủ động trong việc triển khai thực hiện, đảm bảo hoàn thành những nhiệm vụ trọng yếu của cơ quan, đơn vị trong phạm vi dự toán ngân sách được giao. Phân nhóm các nhiệm vụ chi để chủ động điều hành, cắt giảm trong trường hợp cần thiết.

b) Tiếp tục đánh giá, rà soát các chế độ, chính sách, định mức hiện hành của từng ngành, từng lĩnh vực để có cơ sở tham mưu đề xuất sửa đổi, bổ sung các chế độ, định mức cho phù hợp; chỉ tham mưu ban hành các chính sách mới hoặc sửa đổi, bổ sung các chế độ, định mức khi đề xuất được nguồn kinh phí thực hiện.

c) Về định hướng chi đầu tư phát triển:

Chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách Thành phố năm 2016 phải phục vụ mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2016 và giai đoạn 5 năm 2016 - 2020 của Thành phố.

Dự toán chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách Thành phố năm 2016 được xây dựng trên cơ sở các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Thành phố giai đoạn 2016 - 2020; phù hợp với Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020.

Trong điều kiện nguồn ngân sách Thành phố còn hạn hẹp, cân đối thu chi còn nhiều khó khăn, vốn đầu tư từ ngân sách Thành phố chỉ tập trung cho các công trình, dự án đã được bố trí trong các kế hoạch hàng năm để bảo đảm hoàn thành dứt điểm, đưa vào sử dụng phát huy hiệu quả. Không bố trí vốn đầu tư từ ngân sách cho các dự án không thuộc nhiệm vụ chi đầu tư theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Xây dựng kế hoạch huy động và trả nợ (cả gốc và lãi) cho đầu tư phát triển theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý nợ công và các Nghị định có liên quan; bảo đảm số dư nợ huy động (bao gồm cả số dự kiến trong năm) không vượt quá hạn mức theo quy định. Tăng cường các giải pháp huy động vốn từ các thành phần kinh tế trong và ngoài nước để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Thành phố, các dự án có thể thu hồi vốn trực tiếp.

Thực hiện giám sát các chương trình, dự án ngay từ khâu hoạch định, thẩm định, duyệt, chuẩn bị và thực hiện; các chương trình, dự án đã và đang triển khai phải giám sát chặt chẽ từng khâu, từng công đoạn, không làm tăng quy mô và chi phí; các công trình, dự án đã đủ thủ tục theo quy định nhưng chưa có đảm bảo đầy đủ cam kết về nguồn tài chính cũng không triển khai đưa vào kế hoạch.

Việc bố trí vốn kế hoạch chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách Thành phố phải thực hiện đúng quy định của Luật Đầu tư công, trong đó chỉ bố trí vốn cho các chương trình, dự án đã dự kiến đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 theo thứ tự như sau:

- Ưu tiên bố trí vốn hỗ trợ đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP);
- Vốn đối ứng cho các dự án ODA;
- Hoàn trả tạm ứng vốn đã ứng trước;

- Bố trí vốn cho những công trình hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2015 nhưng chưa đủ điều kiện thanh toán trong năm 2015, các công trình chuyển tiếp, chưa hoàn thành của giai đoạn 2011 - 2015 chuyển sang giai đoạn 2016 - 2020;

- Số vốn còn lại mới bố trí cho các dự án khởi công mới. Các dự án khởi công mới chỉ được bố trí vốn: Khi đến ngày 31 tháng 10 năm 2015 được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết định đầu tư; bố trí đủ vốn theo tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong năm đầu thực hiện dự án.

- Bố trí vốn chuẩn bị đầu tư để lập Báo cáo tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Về định hướng dự toán chi thường xuyên:

- Trong điều kiện cân đối ngân sách còn khó khăn, yêu cầu các sở - ban - ngành, địa phương, các cơ quan, đơn vị có sử dụng ngân sách lập dự toán chi thường xuyên đúng tính chất nguồn kinh phí, triệt để tiết kiệm, đặc biệt là dự toán chi mua sắm phương tiện, trang thiết bị đắt tiền, hạn chế tối đa về số lượng và quy mô tổ chức lễ hội, hội nghị, hội thảo, tổng kết, lễ ký kết, khởi công, phong tặng danh hiệu, tiếp khách, đi công tác trong, ngoài nước và các nhiệm vụ không cần thiết, cấp bách khác; dự toán chi cho các nhiệm vụ này không tăng so với số thực hiện năm 2015.

- Ưu tiên bố trí vốn chi phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo, y tế, khoa học - công nghệ, văn hóa - thể thao, môi trường, đảm bảo an sinh xã hội; tăng chi quốc phòng, an ninh, bảo đảm giữ vững an ninh, trật tự xã hội trong tình hình mới; ưu tiên bố trí cho một số lĩnh vực quan trọng theo các Nghị quyết của Đảng bộ và Hội đồng nhân dân Thành phố; chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể bảo đảm chặt chẽ.

- Tiếp tục thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan hành chính nhà nước, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP; đồng thời thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập (thay thế Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ) và các văn bản hướng dẫn liên quan.

- Bố trí dự phòng ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước để chủ động ứng phó với thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh và giải quyết những nhiệm vụ quan trọng, cấp bách phát sinh ngoài dự toán.

- Thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

- Chủ động xây dựng dự toán chi thực hiện các dự án, nhiệm vụ quan trọng, xây dựng dự toán số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương năm 2016 để đề nghị ngân sách trung ương tổng hợp trong dự toán ngân sách nhà nước năm 2016 và bổ sung có mục tiêu cho ngân sách thành phố theo quy định tại Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước.

3.3. Cùng với việc xây dựng dự toán ngân sách năm 2016, các sở - ban - ngành và Ủy ban nhân dân các quận - huyện đánh giá, phân tích cụ thể kết quả đạt được, tồn tại hạn chế trong công tác quản lý, điều hành thu, chi ngân sách năm 2015; báo cáo, đánh giá tình hình quyết toán vốn dự án đầu tư hoàn thành (số dự án đã hoàn thành nhưng chưa duyệt quyết toán đến hết tháng 6 năm 2015 và dự kiến sẽ quyết toán đến hết năm 2015) theo quy định của Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường, đẩy mạnh công tác quyết toán vốn đầu tư các dự án hoàn thành; tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác quyết toán và kiểm tra, xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2014 theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước; tiến hành thanh tra, kiểm tra, giám sát việc quản lý và sử dụng vốn đầu tư phát triển; xử lý, giải quyết ngay từ khâu xây dựng dự toán những tồn tại, sai phạm trong bố trí dự toán chi ngân sách chưa phù hợp với tình hình thực tế triển khai thực hiện và Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân Thành phố đã được cơ quan thanh tra, kiểm toán phát hiện và kiến nghị theo đúng quy định của pháp luật.

II. PHÂN CÔNG VÀ TIẾN ĐỘ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1. Phân công thực hiện:

1.1. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tính toán, xác định các phương án, các cân đối lớn để làm cơ sở hướng dẫn cho các sở - ban - ngành, quận - huyện, các doanh nghiệp nhà nước xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2016.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở - ban - ngành, quận - huyện và các đơn vị liên quan tổng hợp kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách Thành phố năm 2016.

c) Lập dự toán kinh phí để xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2016 và công việc liên quan để thực hiện Kế hoạch này.

1.2. Sở Tài chính:

a) Hướng dẫn các sở - ban ngành, quận - huyện đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2015 và lập dự toán ngân sách nhà nước năm 2016.

b) Phối hợp với Cục Thuế Thành phố, Cục Hải quan Thành phố và Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng, tổng hợp dự toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2016; phương án phân bổ ngân sách năm 2016 báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố để trình Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định.

c) Xây dựng phương án phân bổ chi thường xuyên của ngân sách năm 2016, dự kiến số bổ sung có mục tiêu chi thường xuyên năm 2016 từ ngân sách cho các đơn vị.

d) Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan tổng hợp, đề nghị Trung ương phân bổ dự toán số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia năm 2016.

1.3. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2016, dự toán ngân sách nhà nước năm 2016, Kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách Thành phố năm 2016 của ngành, lĩnh vực phụ trách.

b) Các cơ quan nhà nước theo chức năng của mình, trên cơ sở tính toán các nguồn lực có thể khai thác được, xây dựng mục tiêu, chỉ tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, lĩnh vực mình phụ trách. Đề xuất các giải pháp, các cơ chế, chính sách, chế độ mới hoặc kiến nghị sửa đổi, bổ sung các chế độ, chính sách hiện hành gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các cơ quan liên quan làm căn cứ xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2016, Kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách Thành phố năm 2016.

1.4. Ủy ban nhân dân các quận - huyện:

Phối hợp chặt chẽ với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2016, Kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách Thành phố năm 2016 của địa phương, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố trong việc xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách của mình.

2. Tiến độ thực hiện:

2.1. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức hướng dẫn khung xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2016, Kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách Thành phố;

Sở Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2015 cho các sở - ban - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện trước ngày 17 tháng 7 năm 2015.

2.2. Trên cơ sở khung hướng dẫn, các sở - ban - ngành, quận - huyện, các doanh nghiệp nhà nước thuộc Thành phố khẩn trương xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách năm 2016, Kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách Thành phố năm 2016 gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính trước ngày 24 tháng 7 năm 2015.

2.3. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, Cục Thuế Thành phố tổng hợp nội dung báo cáo của các sở - ban - ngành, quận - huyện, các doanh nghiệp nhà nước thuộc Thành phố để dự thảo sơ bộ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách năm 2016, Kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách Thành phố năm 2016 trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, thông qua và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 29 tháng 7 năm 2015.

2.4. Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định phương án phân bổ, giao Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách năm 2016, Kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách Thành phố năm 2016 cho sở - ban - ngành, quận - huyện và các doanh nghiệp nhà nước thuộc Thành phố trước ngày 10 tháng 12 năm 2015.

2.5. Căn cứ quyết định giao chỉ tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách năm 2016, Kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách Thành phố năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các sở - ban - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp nhà nước thuộc Thành phố phân bổ, giao chỉ tiêu, nhiệm vụ và dự toán ngân sách cho từng đơn vị trực thuộc trước ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Yêu cầu Thủ trưởng các sở - ban - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp nhà nước thuộc Thành phố tập trung chỉ đạo và tổ chức thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này, nhằm đảm bảo công tác xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách năm 2016, Kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách Thành phố năm 2016 theo quy định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3558/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 7 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều quy định cơ chế hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020 theo Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Liên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 51/2013/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 02 tháng 12 năm 2013 của Liên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2011;

Thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Thực hiện Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Thực hiện Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 17 tháng 7 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới;

Thực hiện Công văn số 1447/TTg-KTN ngày 13 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc huy động vốn đóng góp của dân để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành cơ chế hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 5192/TTr-STC ngày 10 tháng 7 năm 2015 về sửa đổi, bổ sung mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng Chương trình mục tiêu quốc gia về nông thôn mới,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay sửa đổi, bổ sung một số điều quy định cơ chế hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020 theo Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố như sau:

1. Bổ sung khoản 2, Điều 2 như sau:

“2. Ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần cho các hoạt động: xây dựng đường giao thông nông thôn; xây dựng nhà văn hóa xã, ấp, công trình thể thao ấp; công trình cấp thoát nước khu dân cư; phát triển sản xuất và dịch vụ; xây dựng hạ tầng khu sản xuất tập trung, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản.

Việc đầu tư các công trình hạ tầng trên, Ban quản lý xây dựng nông thôn mới các xã phải căn cứ vào khả năng nguồn vốn ngân sách, các nguồn huy động và khả năng đóng góp của doanh nghiệp, người dân để thực hiện cho phù hợp theo Đề án đã được cấp thẩm quyền phê duyệt. Việc huy động đóng góp của người dân phải được bàn bạc dân chủ và phải được sự đồng tình của người dân. Tuyệt đối không được yêu cầu dân đóng góp bắt buộc và huy động quá sức dân; không được yêu cầu những hộ dân nghèo, người già, người tàn tật không nơi nương tựa, hộ khó khăn, gia đình chính sách phải đóng góp. Đồng thời phải tăng cường công tác tuyên truyền để người dân hiểu và tự nguyện tham gia”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b, khoản 2, Điều 3:

“b) Đầu tư mở rộng: nguồn vốn đầu tư gồm ngân sách nhà nước, vốn huy động từ doanh nghiệp hưởng lợi (nếu có) và vốn dân tham gia (gồm dân hiến đất toàn bộ, tiền, vật tư xây dựng),

Chỉ hỗ trợ cho hộ dân đầu hẻm bị ảnh hưởng; nhà ở bị xê dịch trong hẻm khi mở rộng đường theo quy định pháp luật đất đai hiện hành”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm a,b, c khoản 3, Điều 3:

“a) Vận động người dân, doanh nghiệp, tổ chức tham gia chung sức xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố hiến toàn bộ diện tích đất và vật kiến trúc bị ảnh hưởng do đầu tư nâng cấp mở rộng đường giao thông hẻm, tổ.

b) Ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần trong tổng mức đầu tư của công trình (không kể giá trị đất và vật kiến trúc dân hiến), phần còn lại huy động doanh nghiệp, tổ chức, vận động người dân hưởng lợi từ công trình, vận động từ người dân của xã đang sinh sống, hoạt động trong và ngoài nước (gồm tiền, vật tư xây dựng, ngày công lao động...) theo quy định tại khoản 2, Điều 2.

c) Chỉ hỗ trợ cho hộ dân đầu hẻm bị ảnh hưởng, nhà ở bị xê dịch trong hẻm khi mở rộng đường theo quy định pháp luật đất đai hiện hành”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 4, Điều 3:

“a) Đầu tư theo hiện trạng: Ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần trong tổng mức đầu tư của công trình (không kể giá trị đất và vật kiến trúc dân hiến), phần còn lại huy động doanh nghiệp, tổ chức, vận động người dân hưởng lợi từ công trình, vận động từ người dân của xã đang sinh sống, hoạt động trong và ngoài nước (gồm tiền, vật tư xây dựng, ngày công lao động...) theo quy định tại khoản 2, Điều 2.

b) Đầu tư mở rộng: Vận động người dân, doanh nghiệp, tổ chức tham gia chung sức xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố, hiến toàn bộ diện tích đất và vật kiến trúc bị ảnh hưởng do đầu tư nâng cấp mở rộng đường giao thông hẻm, tổ. Ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần trong tổng mức đầu tư của công trình (không kể giá trị đất và vật kiến trúc dân hiến), phần còn lại huy động doanh nghiệp, tổ chức, vận động người dân hưởng lợi từ công trình, vận động từ người dân của xã đang sinh sống, hoạt động trong và ngoài nước (gồm tiền, vật tư xây dựng, ngày công lao động...) theo quy định tại khoản 2, Điều 2”.

5. Bổ sung khoản 1, Điều 8:

“1. Ủy ban nhân dân huyện và xã căn cứ nội dung quy định tại Quyết định này vận động theo nguyên tắc tự nguyện, thu hút nguồn lực trong dân, tổ hợp tác, hợp tác

xã, doanh nghiệp bằng các hình thức thích hợp để đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của địa phương theo Đề án xây dựng nông thôn mới trên địa bàn được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Đồng thời phải tăng cường công tác tuyên truyền để người dân hiểu và tự nguyện tham gia”.

Điều 2. Những nội dung khác không đề cập tại Quyết định này vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các Sở, ngành liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Thanh Liêm

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng